SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN, TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

*(Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số:4103000781 do **Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh** cấp ngày 14/01/2002; đăng ký thay đổi lần 4 ngày 12/06/2008)*

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký niêm yết số: . . ./ĐKNY do…… cấp ngày . . . tháng. . . năm 2010)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ CÁC TÀI LIỆU KHÁC SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1 - Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại Thương

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3844 6409 Fax: (08) 3845 3967

Website: www.Vinafreight.com.vn

2 - Công ty cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở: 31 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 62908686 Fax: (08) 62910607

Website: www.fpts.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: *Ông **Nguyễn Huy Diệu***

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại: (08) 3844 6409 Fax: (08) 3845 3967

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

*(Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số:4103000781 do **Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh** cấp ngày 14/01/2002; đăng ký thay đổi lần 4 ngày 12/06/2008)*

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	**: Cổ phiếu Công ty cổ phần Vận tải Ngoại Thương**
Loại cổ phiếu	**: Cổ phiếu phổ thông**
Mệnh giá	**: 10.000 đồng/cổ phiếu (Mười nghìn đồng/cổ phiếu)**
Tổng số lượng niêm yết	**: 5.600.000 cổ phiếu**
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá)	**: 56.000.000.000 đồng**

1. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS)

Địa chỉ : 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.

Điện thoại : (04) 37737070 Fax: (04) 37739058

Website : www.fpts.com.vn

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: :31 Nguyễn Công Trứ - Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 62908686 Fax: (08) 62910607

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán DTL

Địa chỉ : Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ - Phường Đa Kao - Quận 1- Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 3827 50 26 Fax:(08)3827 50 27

Website :www.horwathdtl.com

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 4

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 8

III. CÁC KHÁI NIỆM/TỪ VIẾT TẮT 9

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT 10

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT 61

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT 63

VII. PHỤ LỤC 63

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Là một bộ phận của nền kinh tế, Ngành dịch vụ giao nhận vận tải cũng chịu tác động bởi những rủi ro mà các doanh nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế phải đối mặt như sự biến động của kinh tế thế giới, sự ảnh hưởng của thu nhập, lạm phát của nền kinh tế quốc dân,...

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Từ những năm đầu của thập kỷ này, nền kinh tế thế giới và Việt Nam có những bước phát triển vượt bậc thể hiện qua tốc độ tăng trưởng của các nước luôn ở mức cao, tiêu biểu của Việt Nam là 7% - 8,5% *(Nguồn: Tổng cục Thống kê)*. Tuy nhiên, đến năm 2008 do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu mức tăng trưởng GDP nền kinh tế có chiều hướng chậm lại. Giai đoạn này được xem là giai đoạn cực kỳ khó khăn cho tất cả các ngành nghề. Sang năm 2009, nền kinh tế thế giới đã dần đi vào ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt 5,2% *(Nguồn: Tổng cục Thống kê)*. Đặc biệt đã có những dấu hiệu cho thấy sự phục hồi của nền kinh tế. Viễn cảnh về một nền kinh tế ổn định và tăng trưởng đang dần hình thành. Đây được xem là tín hiệu vui cho ngành giao nhận vận tải nói chung và Vinafreight nói riêng. Do đó, rủi ro này được xem là không ảnh hưởng trọng yếu đến tốc độ phát triển của công ty, mà còn là động lực hỗ trợ doanh nghiệp trong thời gian sắp tới.

Việt Nam gia nhập WTO

Chính thức gia nhập WTO từ năm 2007, Việt Nam đang từng bước thực hiện các cam kết song phương và đa phương về mở cửa thị trường giao nhận kho vận, thực hiện lộ trình dỡ bỏ các hàng rào thuế quan. Bên cạnh những cơ hội lớn mở ra từ việc hội nhập, ngành giao nhận kho vận cũng đang đứng trước những thách thức đáng kể từ sự cạnh tranh của các Công ty vận tải quốc tế có tiềm lực tài chính mạnh và dịch vụ hàng hải tiên tiến. Thêm vào đó, trên thị trường ngày càng nhiều các đơn vị trong nước hoạt động trong lĩnh vực giao nhận vận tải ra đời với những chính sách linh hoạt và táo bạo nhằm chiếm lĩnh thị phần. Điều này sẽ làm tăng tính cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong ngành và có thể ảnh hưởng đến thị phần hiện tại của Vinafreight. Những rủi ro và thách thức này ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên đây cũng là động lực giúp Công ty hoàn thiện mô hình quản lý, xây dựng chiến lược kinh doanh rõ ràng, giúp Công ty đặt nền móng vững chắc, tạo đà cho bước phát triển vững mạnh sau này.

Vấn đề cốt lõi của công ty là phải nâng cao chất lượng dịch vụ, quốc tế hóa các đại lý vận tải, áp dụng tốt các hình thức thanh toán quốc tế, ...

Lãi suất

Kể từ đầu năm 2008, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã công bố mức tăng lãi suất cơ bản từ 8,75% lên 14%, theo đó cho phép các Ngân hàng thương mại tự quyết định lãi suất huy động và lãi suất cho vay. Sang năm 2009 Ngân hàng Nhà nước đã công bố mức lãi suất cơ bản là 7%, và vào thời điểm cuối 2009 mức lãi suất cơ bản này tăng lên 8%. Từ đầu năm 2010 đến nay, mức

lãi suất cơ bản vẫn giữ ở mức 8%, theo đó các ngân hàng thương mại không được cho vay quá 1,5 lần lãi suất cơ bản. Đây cũng là mức lãi suất tham chiếu khi Công ty lập phương án đầu tư và kế hoạch sản xuất kinh doanh. Do đó, nếu lãi suất thị trường tăng sẽ làm tăng chi phí nợ, qua đó sẽ ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh.

Tuy nhiên dòng tiền của công ty được cân đối khá tốt, luôn cân bằng giữa dòng tiền ra và dòng tiền vào nên công ty không sử dụng vốn vay. Đây được xem là cơ cấu vốn an toàn nên những biến động của lãi suất (nếu có) tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gần như không có.

Lạm phát

Theo số liệu của Tổng Cục Thống kê, trong hai năm 2005, 2006 tỷ lệ lạm phát của Việt Nam luôn ở mức cao xấp xỉ 10%, năm 2007 lên tới 12,6%, riêng năm 2008 giá cả có nhiều diễn biến phức tạp dẫn tới lạm phát cả năm lên tới trên 20%, tuy nhiên trong năm 2009 theo Tổng cục thống kê con số này chỉ còn 6,88% (thấp nhất trong 6 năm gần đây). Trong những tháng cuối năm 2009 tuy chỉ số giá tiêu dùng có giảm đi đáng kể nhưng lạm phát vẫn còn là một rủi ro do sự ảnh hưởng từ giá hàng hóa và dịch vụ thế giới trong năm 2010.

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty thông qua các chi phí đầu vào, đặc biệt là giá xăng dầu. Nếu tốc độ lạm phát cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế, sẽ khiến chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty tăng cao do tăng giá nhiên liệu, giá nhân công... Để đối phó với vấn đề này, Công ty luôn tăng cường hoạt động kiểm soát, quản lý biến động giá cả nhiên liệu, vật liệu, tồn trữ nhiên liệu hợp lý để kịp thời đưa ra các biện pháp xử lý linh hoạt nhằm tối thiểu hóa chi phí.

2. Rủi ro luật pháp

Là doanh nghiệp cổ phần hóa từ năm 2002, hoạt động của Vinafreight chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Mặt khác, là doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong ngành giao nhận vận tải nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đang được điều chỉnh chủ yếu bởi Bộ luật Hàng Hải Việt Nam, Luật Hàng không Dân dụng, luật Giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, các quy định về thủ tục hải quan cũng như những tác động ảnh hưởng từ các chính sách định hướng và chiến lược phát triển ngành của Nhà nước v.v.. Đây là cơ sở pháp lý cao nhất điều chỉnh toàn bộ hoạt động trong lĩnh vực vận tải để ngành giao nhận vận tải Việt Nam được hoạt động trong một môi trường pháp lý hoàn chỉnh và đồng bộ. Ngoài ra, Luật Cạnh tranh, Luật Thương mại, Luật Sở hữu trí tuệ, … cũng đã được Quốc hội thông qua, được kỳ vọng sẽ tạo môi trường đầu tư - kinh doanh - cạnh tranh thông thoáng, minh bạch và bình đẳng cho các doanh nghiệp.

Hiện nay, Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp. Tất cả những xu hướng, chính sách này đều ảnh hưởng tới sự phát triển của Công ty.

Đặc biệt với đặc thù ngành giao nhận vận tải là giao thương giữa nhiều quốc gia nên ngành còn chịu tác động của luật của nhiều quốc gia khác.

3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro biến động giá dầu

Khó khăn lớn với ngành giao nhận vận tải là chi phí hoạt động ngành phụ thuộc nhiều vào giá xăng dầu. Chi phí nhiên liệu chiếm trên 30 - 40% giá thành vận tải trong khi giá dầu luôn không ổn định và vẫn ở mức cao. Giá dầu thô trên thị trường thế giới quý I/2010 đang quanh mốc 75-80 USD/thùng. Tuy nhiên theo dự báo của GoldMan Sachs, giá dầu thô có thể lên đến 90 USD/thùng trong năm 2010, 110 USD/thùng trong năm 2011. Với chi phí đầu vào ngày càng cao trong khi giá cước vận tải không thể tăng ngay với tỷ lệ tương ứng, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành bị ảnh hưởng không nhỏ. Đây chính là rủi ro lớn mà ngành giao nhận vận tải thế giới và cả ngành giao nhận vận tải Việt Nam phải đối mặt.

Rủi ro kinh doanh

Hoạt động giao nhận kho vận chuyên nghiệp đòi hỏi phải tích hợp được hàng loạt các dịch vụ vận tải giao nhận thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu thành một chuỗi liên tục để đảm bảo hàng hóa được vận chuyển trọn gói từ nhà sản xuất - vận tải - người tiêu dùng.

Hiện nay hoạt động này tại Việt Nam chưa có sự liên minh, liên kết giữa các doanh nghiệp trong ngành. Nguồn nhân lực cung cấp cho các doanh nghiệp trong ngành đang trở nên thiếu hụt trầm trọng. Các doanh nghiệp trong nước chưa đủ tầm để vươn ra thị trường khu vực và thế giới.

Rủi ro tỷ giá

Trong những năm gần đây do chính sách ổn định tiền tệ của Nhà nước nên tỷ giá giữa đồng Việt Nam với các ngoại tệ mạnh tương đối ổn định, mức dao động tỷ giá tương đối thấp, việc dự báo tỷ giá trong ngắn hạn cũng không quá khó khăn. Ngân hàng Nhà nước từ lâu đã duy trì mức dao động tỷ giá USD/VNĐ thấp. Tuy nhiên mới đây, Ngân hàng Nhà nước đã mở rộng biên độ dao động từ 3% lên 5% để kiềm chế lạm phát và giảm sự can thiệp của Nhà nước vào thị trường ngoại hối.

Rủi ro về biến động tỷ giá là rủi ro khi có sự biến động bất lợi về tỷ giá ngoại tệ đến giá thành các nguồn nguyên vật liệu đầu vào và/hoặc giá bán các thành phẩm, dịch vụ cung cấp, làm giảm lợi nhuận của Công ty.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty có chức năng xuất nhập khẩu, doanh thu từ ngoại tệ luôn chiếm 20-30% trên tổng doanh thu của Vinafreight nên nếu tỷ giá hối đoái thay đổi đột biến sẽ ảnh hưởng đến giá mua và giá bán cho các sản phẩm xuất nhập khẩu của Công ty, ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về thanh toán

Bị chi phối bởi một đặc thù chung của ngành giao nhận vận tải, Vinafreight cũng như các doanh nghiệp khác thường phải ứng trước cho khách hàng trong việc thanh toán cho các hãng hàng không và hãng tàu biển khi khách hàng sử dụng dịch vụ của Vinafreight. Việc thanh toán này tuỳ thuộc vào thời gian vận chuyển hàng hoá của hãng và mối quan hệ của từng khách hàng, thời gian thanh toán có thể từ một đến vài tháng. Do vậy, Vinafreight cũng có khả năng ảnh hưởng bởi rủi ro về thanh toán khi khách hàng của Vinafreight gặp khó khăn về tài chính hay sẽ

bị vướng mắc trong việc thanh toán do có sai sót trong quá trình vận chuyển.

4. Rủi ro liên quan đến biến động giá cổ phiếu niêm yết

Việc Công ty cổ phần Vận tải Ngoại thương niêm yết trên thị trường chứng khoán sẽ góp phần nâng cao năng lực tài chính, khẳng định uy tín, thương hiệu của doanh nghiệp cũng như tăng cường tính thanh khoản, tạo điều kiện cho doanh nghiệp huy động vốn.

Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi. Giá cả chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố. Giá cả biến động có thể là do cung - cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế - xã hội hay sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư. Công ty cổ phần Vận tải Ngoại thương - Vinafreight đã chủ động xây dựng và ban hành quyết định về quy trình công bố thông tin đối với một đơn vị niêm yết nhằm giúp khách hàng và nhà đầu tư có những thông tin tin cậy và chính xác về các hoạt động của Công ty.

5. Rủi ro khác

Một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng, tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu có thì sẽ có những tác động lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, đó là những rủi ro về thiên tai, chiến tranh, hoả hoạn hay dịch bệnh..., không chỉ xảy ra ở trong nước mà còn ở nước ngoài. Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh công tác an toàn lao động, phòng cháy nổ, bảo vệ môi trường cũng như mua những bảo hiểm cần thiết về con người, hàng hoá …để hạn chế những rủi ro này trong hoạt động kinh doanh của mình.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Ông: **Đỗ Xuân Quang** Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT**

Ông: **Nguyễn Bích Lân** Chức vụ: **Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc**

Ông: **Phan Minh Hoàng** Chức vụ: **Trưởng ban Kiểm soát**

Bà: **Lê Thị Ngọc Anh** Chức vụ: **Kế toán trưởng**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT - CHI NHÁNH TP.HCM

Ông **Nguyễn Văn Trung** Chức vụ: **Giám đốc chi nhánh**

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội do **Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT** tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với **Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương**. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do **Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương** cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM/TỪ VIẾT TẮT

Khái niệm/Từ viết tắt	Giải nghĩa
Công ty/Vinafreight	Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương
FPTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban kiểm soát
UBND	Ủy ban nhân dân
ISO	Tiêu chuẩn quốc tế (International Standard Organization)
WTO	World Trade Organization – Tổ chức thương mại thế giới
CP	Cổ phần
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LNST	Lợi nhuận sau thuế
VCSH	Vốn chủ sở hữu
VĐL	Vốn điều lệ
DTT	Doanh thu thuần
Người có liên quan	Gồm những đối tượng được quy định tại Luật Doanh nghiệp 2005 (Luật số 60/2005/QH11)
FCL	Gửi hàng nguyên container (Full container load)
LCL	Gửi hàng lẻ (Less than container load)
IATA	Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế (International Air Transport Association)
VIFFAS	Hiệp hội giao nhận kho vận Việt Nam (Vietnam Freight - Forwarders Association)
CFS	Kho đóng Container hàng lẻ (Container Freight Station)
FIATA	Hiệp hội giao nhận kho vận Quốc tế (International Federation of Freight Forwarders Association)
GDP	Tổng sản phẩm nội địa *(Gross Domestic Product)*
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức (Official Development Assistance)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Giới thiệu về công ty

Tên công ty	:	**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**
Tên giao dịch	:	**VINAFREIGHT INTERNATIONAL FREIGHT FORWARDERS JOINT STOCK COMPANY**
Tên viết tắt	:	**VINAFREIGHT CO**
Logo	:	
Vốn điều lệ	:	56.000.000.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ đồng)
Trụ sở chính	:	A8 Trường Sơn, Phường 2, Q. Tân Bình, Tp. HCM
Điện thoại	:	(08) 38446409
Fax	:	(08) 3848 8359
Website	:	www.vinafreight.com.vn

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4103000781 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/01/2002, chỉnh sửa lần 4 ngày 12/06/2008, ngành nghề kinh doanh của công ty như sau:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Đại lý tàu biển, đại lý quản lý container cho các hãng tàu; cung ứng tàu biển. Đại lý giao nhận cho các Hãng giao nhận vận tải nước ngoài.
- Kinh doanh các dịch vụ về kho gom hàng lẻ xuất nhập khẩu (CFS). Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Kinh doanh vận tải công cộng.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu.
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi theo qui định của pháp luật.
- Dịch vụ các thủ tục hải quan vàc các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện…
- Các dịch vụ thương mại.
- Kinh doanh vận tải đa phương thức.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Vận tải Ngoại thương được thành lập, phát triển qua các giai đoạn như sau:

Những năm thập niên 90	- Vinafreight là đơn vị chuyên về vận tải hàng không thuộc công ty Giao nhận kho vận ngoại thương TP HCM (Vinatrans), chuyên thực hiện các dịch vụ về vận chuyển hàng không, dịch vụ hậu cần và đại lý tàu biển.
Năm 2001	- Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyển xí nghiệp dịch vụ kho vận thành Công ty cổ phần Vận Tải Ngoại thương, tên giao dịch là Vinafreight với số vốn điều lệ ban đầu 18 tỷ đồng chuyên kinh doanh dịch vụ vận tải nội địa quốc tế, kinh doanh kho bãi, cho thuê văn phòng, xuất nhập khẩu…
	- Đại hội cổ đông đầu tiên của công ty được tiến hành thông qua điều lệ, cơ cấu tổ chức, cơ cấu quản lý công ty.
Năm 2002	- Công ty chính thức hoạt động theo tư cách pháp nhân được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.
	- Công ty chính thức trở thành thành viên của VIFFAS, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp phát triển của công ty.

Từ thời điểm đó, để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường Công ty không ngừng phát triển, mở rộng thêm chi nhánh, góp vốn liên doanh liên kết vào các công ty trong và ngoài ngành.

Năm 2003	- Thành lập văn phòng Công ty tại khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore. - Góp vốn thành lập công ty Vận tải Việt – Nhật (Konoike – Vina). - Thành lập chi nhánh công ty tại thành phố Hà Nội. Trụ sở đặt tại số 2 Bích Câu, Đống Đa. Hiện nay Chi nhánh đã dời về Tầng 4, tòa nhà Vocarimex số 8 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội - Thành lập Phòng đại lý hãng tàu UASC tại số 12 Nguyễn Huệ, Quận 1 sau chuyển về văn phòng số 5 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh. - Văn phòng công ty ở khu chế xuất Tân Thuận chính thức đi vào hoạt động. - Thành lập chi nhánh công ty tại thành phố Hải Phòng. Trụ sở đặt tại số 115 Trần Hưng Đạo, Quận Hải An, Tp. Hải phòng. - Văn phòng công ty ở khu chế xuất Amata (Đồng Nai) chính thức đi vào hoạt động.
Năm 2004	- Góp vốn thành lập công ty TNHH Vector Quốc tế chuyên về dịch vụ Tổng Đại lý cho các hãng Hàng không, lần lượt được chỉ định là Tổng đại lý hàng hoá của Malaysia Airlines, China Southern Airlines, K-miles, Uzbekistan Airways, Egypt Air, Scandinavian Air Services và nhiều hãng hàng không khác. - Thành lập các phòng Sales Hàng không, phòng Giao nhận Xuất Hàng không, phòng Logistics trên cơ sở phòng Giao nhận Hàng không. - Góp vốn thành lập Công ty TNHH 3 thành viên vận tải ô tô V-Truck. - Góp vốn thành lập Công ty TNHH 2 thành viên VAX Global.
Năm 2005	- Góp vốn thành lập Công ty Liên doanh TNHH Kintetsu Vietnam. - Góp vốn thành lập Công ty TNHH Viễn Đông (Far East) chuyên về dịch vụ giao nhận, dịch vụ hàng không. Công ty Viễn Đông được chỉ định là Tổng Đại lý Hàng hoá của hãng Hàng không Cargo Italia. - Bộ Giao thông vận tải cấp phép kinh doanh vận tải đa phương thức cho Vinafreight.
Năm 2006	- Công ty triển khai dịch vụ chuyển phát nhanh nội địa và quốc tế - Vinaquick. - Góp vốn thành lập Công ty Liên doanh TNHH Jardine Shipping Services Vietnam.

- Thành lập phòng phát chuyển nhanh Vinaquick.

Năm 2007
- Chính thức đăng ký công ty đại chúng với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

Năm 2008
- Công ty thực hiện trọn gói việc vận chuyển máy móc thiết bị, nguyên vật liệu sản xuất cho 1 số khách hàng lớn từ nước ngoài về Việt Nam để sản xuất và tái xuất đi các nước.
- Công ty Vector chính thức đảm nhận khai thác chuyến bay feeder hàng hóa SGN-BKK, tần suất 5 chuyến/tuần; ngoài ra công ty còn thực hiện thuê máy bay vận tải cỡ lớn để vận chuyển 1 máy bay trực thăng đi nước ngoài sửa chữa, trở thành công ty GSA đầu tiên của Việt Nam thực hiện các nghiệp vụ này.

Năm 2009
- Mở văn phòng tại Bình Dương để thực hiện các dịch vụ trọn gói cho các khách hàng lớn thuộc các khu công nghiệp ở Bình Dương.
- Công ty Vector được chỉ định làm đại lý cho hãng Hongkong Air, khai thác máy bay Freighter của hãng Transaero.

3. Quá trình tăng vốn của Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương

Cùng với quá trình phát triển, để đáp ứng nhu cầu về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty cũng đã không ngừng tăng lên. Từ ngày thành lập năm 2001 vốn điều lệ của Công ty là 18 tỷ VNĐ, đến cuối năm 2007 vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên 56 tỷ VNĐ, đó cũng là một minh chứng cho sự phát triển nhanh chóng và bền vững của Công ty.

Diễn biến tăng vốn điều lệ của công ty từ ngày thành lập Công ty đến nay

Thời gian	Cơ sở pháp lý	Vốn tăng thêm (VNĐ)	Vốn điều lệ (VNĐ)	Nguồn tăng
Năm 2001	0964/2001/QĐ/BTM Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành		18.000.000.000	Chuyển đổi sang cổ phần hóa
Năm 2005	Nghị quyết đại hội cổ đông ngày 19/03/2005	9.000.000.000	27.000.000.000	phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu
Năm 2007	Nghị quyết đại hội cổ đông ngày 21/04/2007	29.000.000.000	56.000.000.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương – Vinafreight

Sau giai đoạn cổ phần hóa, hoạt động của công ty dần đi vào ổn định và bước vào giai đoạn phát triển bền vững. Với mong muốn huy động thêm vốn mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty đã tăng vốn 02 lần trong giai đoạn 2005 – 2007.

Lần 1: ngày 19/03/2005 Đại hội đồng cổ đông công ty nhất trí thông qua Phương án phát hành tăng vốn điều lệ công ty từ 18 tỷ lên 27 tỷ với nội dung cụ thể:

- Tên cổ phiếu: cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 100.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 90.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 9.000.000.000 đồng
- Mục đích phát hành: phát hành cổ phiếu thưởng
- Phương thức và đối tượng phát hành: phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1 (cổ đông sở hữu 02 cổ phiếu thì được 01 cổ phiếu mới).
- Thời gian thực hiện: tháng 06/2005

Lần 2: ngày 21/04/2007 Đại hội đồng cổ đông công ty nhất trí thông qua Phương án phát hành tăng vốn điều lệ công ty từ 27 tỷ lên 56 tỷ với nội dung cụ thể:

- Tên cổ phiếu: cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 100.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 290.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 29.000.000.000 đồng
- Phương thức phát hành: được chia làm các đợt sau
  - Sử dụng nguồn lãi chưa phân phối các năm trước tương đương 10,8 tỷ để phát hành 108.000 cổ phần phổ thông cho cổ đông hiện hữu, mệnh giá 100.000đ/cổ phần, theo nguyên tắc cứ 5 cổ phần sở hữu hiện hữu được tăng thêm 2 cổ phần mới
  - Phát hành 135.000 cổ phần phổ thông dành bán cho cổ đông hiện hữu, mệnh giá 100.000đ/cổ phần, theo nguyên tắc cứ 2 cổ phần sở hữu hiện hữu được quyền mua 1 cổ phần mới với giá bằng mệnh giá.
  - Phát hành 13.500 cổ phần phổ thông, mệnh giá 100.000đ/cổ phần, giá bán 150.000đ/cổ phần bán cho cán bộ nhân viên theo chương trình chọn lựa người lao động.
  - Phát hành 33.500 cổ phần phổ thông cho các pháp nhân là cổ đông của công ty hoặc công ty có vốn góp trong các công ty đó, giá bán 150.000đ/cổ phần theo danh sách sau đây:
    - Vinatrans Hà Nội: 17.500 cổ phần
    - Vinatrans: 9.500 cổ phần
    - Vinatrans Đà Nẵng: 6.500 cổ phần
- Thời gian thực hiện: Thời gian thực hiện : tháng 06 – 12/2007

Đợt tăng vốn này, do chưa nắm được các qui định thủ tục, Công ty đã phân phối chứng khoán không đúng quy định, không báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà và không công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng. Ngày 07 tháng 09 năm 2009, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ra quyết định phạt số 563/QĐ – UBCK về các sai phạm này. Công ty đã tiến hành nộp phạt đầy đủ theo tin thần của quyết định trên.

Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 24/07/2007.

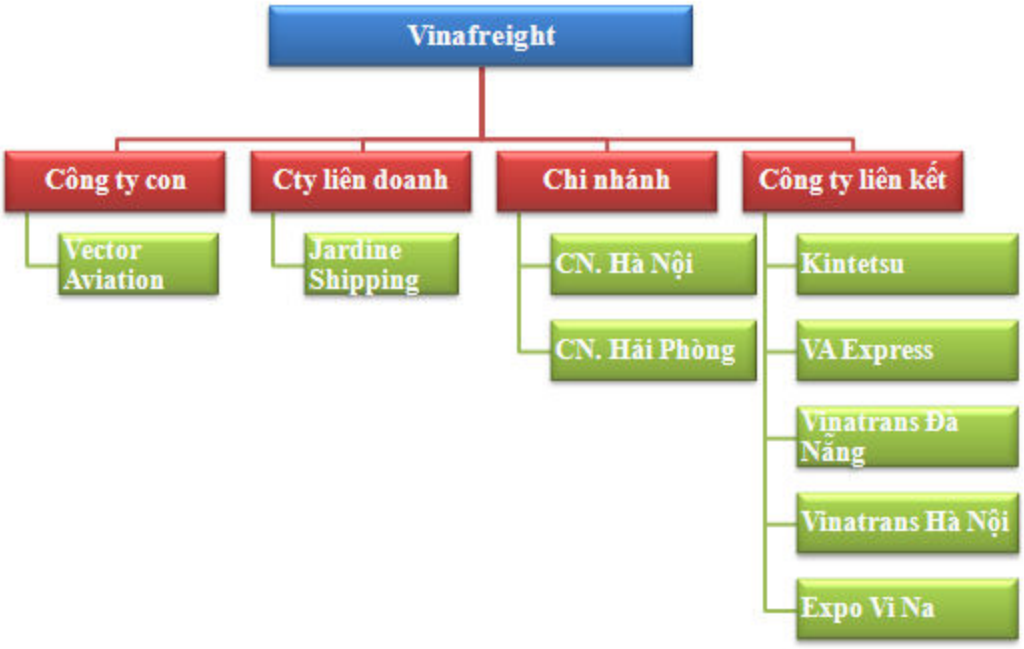

4. Cơ cấu tổ chức Công ty

- **Trụ sở chính: Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương**

  Địa chỉ :A8 Trường Sơn, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh
  Điện thoại : (08) 3844 6409 Fax: (08) 3845 3967
  Website : www.Vinafreight.com.vn

- **Công ty con: Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc tế (Vector Aviation)**

  Địa chỉ :A8 Trường Sơn, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh
  Điện thoại :(08) 3848 7203 Fax: (08) 32939428
  Website : www.vector-aviation.com
  Vốn điều lệ : 15.000.000.000 VNĐ
  Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 90% Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 90%

- **Công ty liên doanh: Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Jardine Việt Nam (Jardine Shipping)**

  Địa chỉ : Lầu 3, 33 bis Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
  Điện thoại :(08) 3827 9350 Fax: (08): (08) 3827 9650
  Website : www.jardine-shipping.com
  Vốn điều lệ : 3.182.980.000 VNĐ (200.000 USD)
  Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 51% Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 50%

- **Chi nhánh Hà Nội**

  Địa chỉ : Tầng 4, tòa nhà Vocarimex số 8 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội
  Điện thoại :(04) 37322540 – 37322541 Fax: (08) 37321452

- **Chi nhánh Hải Phòng**

  Địa chỉ : 115, đường bao Trần Hưng Đạo, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng
  Điện thoại (31) 3769409 – 3769411 Fax: (31) 3769410

- **Công ty liên kết:**

Công ty TNHH Kintetsu World Express Viet Nam (Kintetsu)

Địa chỉ : số 51, đường Yên Thế, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại :(08) 38488845 Fax: (08) 38488936
Website : http://www.kwe.com/
Vốn điều lệ : 750.000 USD
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 30% Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 30%

Công ty TNHH Dịch Vụ Vận tải Hàng không Toàn Cầu Vina Vinatrans (VA Express)

Địa chỉ : số A8, Trường Sơn, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 38489177 Fax: (08) 38489179
Website : www.va-express.com/
Vốn điều lệ : 2.000.000.000 VNĐ
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 40% Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 40%

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)

Địa chỉ : số 184, Trần Phú, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Điện thoại : (08) 0511.382124 Fax: (08) 0511.382131
Vốn điều lệ : 15.000.000.000 VNĐ
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 29,28% Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 29,28%

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (Vinatrans Hà Nội)

Địa chỉ : số 2, đường Bích Câu, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội
Điện thoại : (08) 043. 7321090 Fax: (08) 043. 7321083
Website : www.vinatranshn.com.vn/
Vốn điều lệ : 60.000.000.000 VNĐ
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 22% Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 22%

Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)

Địa chỉ : số 18, đường Đặng Thị Nhu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại :(08) 38113471 Fax: (08): 38113481
Website : www.aramex.com/
Vốn điều lệ : 1.691.902.178 VNĐ (100.000 USD)
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 39% Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 39%

5. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

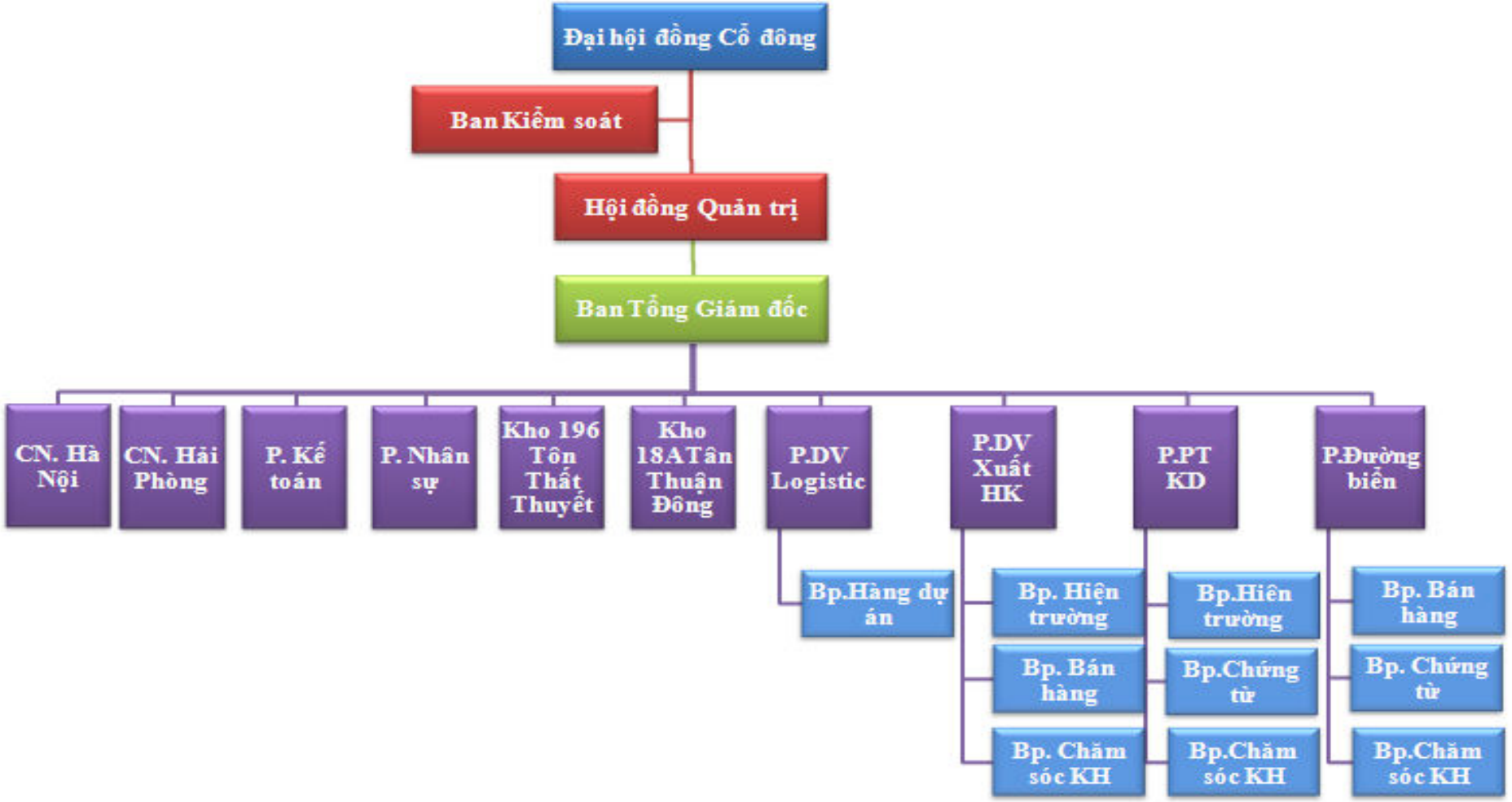

Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị: là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ mà không được ủy quyền. HĐQT có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển, xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý Công ty, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do ĐHĐCĐ đề ra.

Ban kiểm soát: là cơ quan có nhiệm vụ giúp ĐHĐCĐ giám sát, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

Ban Tổng Giám đốc: chịu trách nhiệm điều hành, quản lý toàn bộ hoạt động của Công ty, quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT về phương án kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty, kiến nghị cách bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc quyền quyết định của HĐQT, quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động trong Công ty và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan đến hay bắt nguồn từ các nhiệm vụ trên.

- **Phòng Tổ chức Hành chính**: có chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc trong công tác quản lý nguồn lực, trực tiếp thực hiện công tác tổ chức, lao động, định mức chi phí tiền lương của Công ty và các hoạt động hỗ trợ cho các bộ phận chức năng về hành chính quản trị.
- **Phòng Kế toán - Tài chính**: có chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc đồng thời thực hiện các công tác quản lý tài sản, vốn và các hoạt động kế toán tài chính. Thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính về hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công Ty.
- **Các chi nhánh *(Hà Nội, Hải Phòng):*** Đại diện cho Công Ty thực hiện và duy trì các hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ vận tải cho khách hàng trên phạm vi của chi nhánh, tiếp nhận thông tin tại các khu vực thị trường để báo cáo về Công ty.
- **Kho 196 Tôn Thất Thuyết:** Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong công tác lưu kho, tồn trữ hàng hóa và tổ chức thực hiện quá trình xuất, nhập, bảo quản, vận chuyển, giao nhận hàng hóa theo đúng quy định của công ty và kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi tại hai địa điểm kho 196 Tôn Thất Thuyết và 31 Bến Vân Đồn quận 4 , Tp. Hồ Chí Minh.
- **Kho 18 Tân Thuận Đông:** Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong công tác lưu kho, tồn trữ hàng hóa và tổ chức thực hiện quá trình xuất, nhập, bảo quản, vận chuyển, giao nhận hàng hóa theo đúng quy định của công ty và kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi tại hai địa điểm kho 18 Tân Thuận Đông và kho số 1, Lý Hải quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.
- **Phòng Dịch vụ Logistic:** bao gồm 03 bộ phận (theo sơ đồ tổ chức). Phòng Logistics là đơn vị kinh doanh chuyên về các dịch vụ nhập khẩu và hậu cần như cung cấp các dịch vụ giao hàng tận nơi (door to door), nhận uỷ thác xuất nhập khẩu hàng hoá cho khách hàng, làm thủ tục hải quan hàng xuất nhập khẩu, kinh doanh xe tải, đầu kéo, kho bãi…

- **Phòng dịch vụ xuất Hàng không**: bao gồm 03 bộ phận (theo sơ đồ tổ chức).
  - Giao nhận từ kho chủ hàng hoặc sân bay đến sân bay hoặc kho người nhận với đa dạng các mặt hàng: giày dép, hàng may mặc thời trang, hàng máy móc thiết bị, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng rau quả;
  - Vận chuyển kết hợp đường biển và đường hàng không;
  - Dịch vụ chuyển phát nhanh (chứng từ, hàng mẫu, hàng thương phẩm);
  - Gom hàng lẻ xuất khẩu và chia lẻ hàng nhập khẩu;
  - Dịch vụ khai quan và giao nhận nội địa;
  - Dịch vụ đại lý hải quan;
  - Đại lý bán cước và hợp đồng vận chuyển với nhiều hãng hàng không lớn trên thế giới cam kết tại Việt Nam như SQ, TG, VN, BA.

- **Phòng Phát triển kinh doanh:** bao gồm 01 bộ phận (theo sơ đồ tổ chức). Nghiệp vụ chủ lực của phòng là bán cước và các dịch vụ hậu cần tại sân bay Tân Sơn Nhất.

- **Phòng đường biển:**
  - Cung cấp cho khách hàng dịch vụ Gửi hàng lẻ đường biển từ Việt Nam đi mọi nơi trên thế giới (LCL/FCL) với các thị trường mạnh là Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản và Châu Á;
  - Dịch vụ nhập hàng nguyên container (FCL) với giá cạnh tranh và có hỗ trợ phí lưu kho;
  - Dịch vụ hàng công trình và triển lãm tại Việt Nam và các nước khu vực như Lào, Campuchia

6. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần, cổ đông sáng lập và cơ cấu cổ đông của Công ty

6.1 Danh sách cổ đông sáng lập tính theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000781, thay đổi lần 4 ngày 12/06/2008

Tên cổ đông	CMND/ GPĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)
Vốn nhà nước (do ông Vũ Thế Đức làm đại diện)			608.000	6.080
Đỗ Xuân Quang	023008677	459/18 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, Quận 1, Tp. HCM	303.500	3.035
Nguyễn Nam Tiến	023132098	11 Trần Minh Quyền, P 10, Quận 5, Tp. HCM	85.500	855
Nguyễn Bích Lân	021879061	285/T8/B2 Cách mạng tháng tám, P12, Quận 10, Tp. HCM	80.250	802,5
Trương Văn Tới	022114850	399/13 Nguyễn Đình Chiểu, P5, Quận 3, Tp. HCM	38.000	380
Nhóm cổ đông khác			4.484.750	44.847,5
Tổng cộng			**5.600.000**	**56.000**

Theo Điều 84 khoản 5 Luật doanh nghiệp quy định sau 3 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000781 ngày 14/01/2002, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ. Như vậy đến thời điểm hiện tại (sau hơn 08 năm kể từ ngày công ty cổ phần hóa), các cổ đông sáng lập của Công ty đã được tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông đang nắm giữ.

6.2 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tính đến thời điểm 16/06/2010:

Tên cổ đông	Địa chỉ	Giấy CNĐKKD	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ/ Vốn cổ phần
Công ty cổ phần giao nhận kho Vận Ngoại thương Việt Nam (do ông Vũ Thế Đức làm đại diện)	406 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Tp. HCM	0300648264	608.000	6.080	10,86%
Tổng cộng			**608.000**	**6.080**	**10,86%**

Nguồn: Sổ cổ đông Vinafreight chốt đến ngày 16/06/2010

6.3 Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm 16/06/2010

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/Vốn cổ phần
Cổ đông trong nước	***446***	***5.600.000***	***100%***
Tổ chức	4	933.500	16,67%
Cá nhân	442	4.651.000	83,05%
Cổ đông CBCNV	73	913.270	16,31%
Cổ đông bên ngoài	369	3.737.730	66,74%
Cổ đông nước ngoài	***0***	***0***	***0***
Cổ phiếu Quỹ (*)		15.500	0,28%
Tổng cộng	**446**	**5.600.000**	**100%**

Nguồn: Sổ cổ đông Vinafreight chốt đến ngày 16/06/2010

(*) Sau ngày 24/07/2007(ngày chính thức trở thành công ty đại chúng), Vinafreight đã thực hiện một số nghiệp vụ mua bán cổ phiếu quỹ nhưng không báo cáo và công bố thông tin theo luật định nên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã xử phạt vi phạm hành chính với Vinafreight theo quyết định số 563/QĐ-UBCK ngày 05/05/2010. Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ liên quan theo quyết định trên.

7. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty

7.1 Công ty con

Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc tế (Vector Aviation)

Địa chỉ :A8 Trường Sơn, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại :(08) 3848 7203 Fax: (08) 32939428

Website : www.vector-aviation.com

Vốn điều lệ : 15.000.000.000 VNĐ

Vốn thực góp của Vinafreight: 13.500.000.000 VNĐ

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 90% Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 90%

7.2 Công ty liên doanh, liên kết:

- **Công ty liên doanh: Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải Jardine Việt Nam (Jardine Shipping)**

  Địa chỉ : Lầu 3, 33 bis Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
  Điện thoại :(08) 3827 9350 Fax: (08): (08) 3827 9650
  Website : www.jardine-shipping.com
  Vốn điều lệ : 3.182.980.000 VNĐ (200.000 USD)
  Vốn thực góp của Vinafreight: 1.623.330.000 VNĐ
  Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 51% Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 50%

- **Công ty liên kết:**

  Công ty TNHH Kintetsu World Express Viet Nam (Kintetsu)

  Địa chỉ : số 51, đường Yên Thế, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh
  Điện thoại :(08) 38488845 Fax: (08) 38488936
  Website : http://www.kwe.com/
  Vốn điều lệ : 11.884.500.000 (750.000 USD)
  Vốn thực góp của Vinafreight: 3.565.350.000 VNĐ
  Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 30% Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 30%

  Công ty TNHH Dịch Vụ Vận tải Hàng không Toàn Cầu Vina Vinatrans (VA Express)

  Địa chỉ : số A8, Trường Sơn, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh
  Điện thoại :(08) 38489177 Fax: (08) 38489179
  Website : www.va-express.com/
  Vốn điều lệ : 2.000.000.000 VNĐ
  Vốn thực góp của Vinafreight: 800.000.000 VNĐ
  Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 40% Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 40%

  Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)

  Địa chỉ : số 184, Trần Phú, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
  Điện thoại :(08) 0511.382124 Fax: (08) 0511.382131
  Vốn điều lệ : 15.000.000.000 VNĐ
  Vốn thực góp của Vinafreight: 4.392.000.000 VNĐ
  Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 29,28% Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 29,28%

  Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (Vinatrans Hà Nội)

  Địa chỉ : số 2, đường Bích Câu, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội
  Điện thoại :(08) 043. 7321090 Fax: (08) 043. 7321083
  Website : www.vinatranshn.com.vn/
  Vốn điều lệ : 60.000.000.000 VNĐ
  Vốn thực góp của Vinafreight: 13.200.000.000 VNĐ
  Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 22% Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 22%

Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)

Địa chỉ : số 18, đường Đặng Thị Nhu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại :(08) 38113471 Fax: (08): 38113481

Website : www.aramex.com/

Vốn điều lệ : 1.691.902.178 VNĐ (100.000 USD)

Vốn thực góp của Vinafreight: 624.000.000 VNĐ

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 39% Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 39%

8. Hoạt động kinh doanh

8.1 Các sản phẩm, dịch vụ:

Dịch vụ Hàng không

Vinafreight sau khi trở thành thành viên chính thức của FIATA năm 2002 và IATA năm 2004 đã nhanh chóng mở rộng, phát triển dịch vụ giao nhận hàng không trong nước và quốc tế.

Công ty có những điều kiện thuận lợi nhất để cung cấp cho khách hàng những dịch vụ giao nhận hàng không chất lượng cao từ Việt Nam đến các sân bay quốc tế lớn trên thế giới. Các dịch vụ vận tải, giao nhận hàng không mà Công ty đang cung cấp gồm:

- Vận chuyển hàng không, vận chuyển kết hợp đường biển hàng không
- Dịch vụ giao hàng tận nơi, khai thuế hải quan
- Môi giới bảo hiểm hàng hóa, Dịch vụ chia lẻ hàng nhập khẩu
- Giám định hàng hóa

Dịch vụ Hàng hải

Vận tải hàng hải là một trong những hoạt động chính của công ty với các dịch vụ chủ yếu sau:

- Dịch vụ hàng nguyên container và hàng lẻ toàn thế giới
- Dịch vụ gom hàng và chia lẻ, đại lý cho người mua hàng
- Khai thuế hải quan, dịch vụ xe tải
- Dịch vụ môi giới bảo hiểm và thẩm định hàng hóa, dịch vụ dọn nhà, Dịch vụ hàng dự án và triển lãm

Dịch vụ giá trị gia tăng

Với chương trình giá trị gia tăng của mình, Vinafreight cung cấp nhiều dịch vụ hậu cần cho quá trình xử lý hàng hóa, kho bãi giúp khách hàng tập trung hiệu quả vào hoạt động chính của mình. Vinafreight còn tư vấn cho khách hàng về các dịch vụ xuất nhập khẩu, khai quan, chọn lựa phương thức gửi hàng nhanh nhất với hiệu quả cao và chi phí tiết kiệm nhất.

Dịch vụ đại lý tàu biển

Với chủ tàu, hoạt động tại cảng phải được lập kế hoạch đến từng chi tiết để kịp cho tàu khởi hành; Vinafreight cung cấp dịch vụ đại lý 24 giờ mỗi ngày để bảo đảm rằng quá trình xếp dỡ hàng đáp ứng được những yêu cầu khắt khe nhất. Khách hàng có thể tin cậy vào các dịch vụ sau:

- Dịch vụ đại lý hàng hải, dịch vụ quản lý, thuê tàu và môi giới hàng hải
- Kiểm hàng và dịch vụ tàu biển

Dịch vụ cho thuê kho bãi

Có vị trí lý tưởng cạnh cảng Sài Gòn, kho bãi của Vinafreight cung cấp cho khách hàng khả năng tiếp cận nhanh chóng đến tất cả các cảng và nhà máy. Vinafreight cung cấp dịch vụ thuê kho cho tất cả các loại hàng hóa thông thường. Các dịch vụ hỗ trợ hiện có như: đóng gói, dán nhãn, đóng kiện và kiểm đếm hàng hóa …

- Hệ thống kho CFS : 3.000 mét vuông
- Kho lạnh : 1.500 mét vuông sức chứa khoảng 1.800 tấn
- Hệ thống kho : gồm 10.000 mét vuông kho ngoài trời và 6.000 mét vuông kho trong nhà

- Thiết bị bổ trợ : 20 đầu kéo, 06 moóc kéo 20', moóc kéo 40', 3 Xe tải 2,5 tấn, 1 xe tải 0,5 tấn, 1 xe nâng 7 tấn và 1 xe nâng 10 tấn.

8.2 Doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm dịch vụ qua các năm:

Vinafreight chủ yếu tập trung vào lĩnh vực kinh doanh các dịch vụ vận tải hàng không và hàng hải. Trong hoạt động của Công ty, doanh thu từ lĩnh vực kinh doanh dịch vụ hàng không chiếm tỷ trọng chủ yếu, trung bình khoảng 70% tổng doanh thu hàng năm của Công ty. Trong khi đó, doanh thu từ hoạt động sản xuất khác chiếm tỷ trọng khoảng 30% tổng doanh thu.

Doanh thu thuần chia theo nhóm sản phẩm năm 2008, 2009 và quý I/2010

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Năm 2008		Năm 2009		Quý I/2010	
		Giá trị	Tỷ trọng %DTT	Giá trị	Tỷ trọng %DTT	Giá trị	Tỷ trọng %DTT
Dịch vụ hàng không							
1	Dịch vụ hàng không xuất	231.206	60,06%	197.964	68,84%	48.660	44,32%
2	Dịch vụ hàng không nhập	31.501	8,18%	12.802	4,45%	3.502	3,19%
Dịch vụ đường biển							
3	Dịch vụ đường biển xuất	35.852	9,31%	26.321	9,15%	23.781	21,66%
4	Dịch vụ đường biển nhập	10.243	2,66%	8.225	2,86%	8.630	7,86%
Dịch vụ giá trị gia tăng							
5	Dịch vụ logistics	63.096	16,39%	23.776	8,27%	17.457	15,90%
Dịch vụ đại lý tàu biển							
6	Dịch vụ đại lý	5.122	1,33%	6.580	2,29%	3.491	3,18%
Dịch vụ cho thuê kho bãi							
7	Thuê kho	7.914	2,06%	11.910	4,14%	4.271	3,89%
Tổng cộng		**384.934**	**100,00%**	**287.580**	**100,00%**	**109.793**	**100,00%**

Nguồn: Vinafreight

(*) DTT: doanh thu thuần

8.3 Lợi nhuận gộp từng nhóm dịch vụ qua các năm:

Lợi nhuận gộp chia theo nhóm sản phẩm năm 2008, 2009 và quý I/2010

ĐVT: Triệu đồng

STT	*Tên sản phẩm, dịch vụ*	*Năm 2008*		*Năm 2009*		*Quý I/2010*	
		LNG	*Tỷ trọng %LNG*	*LNG*	*Tỷ trọng %LNG*	*LNG*	*Tỷ trọng %LNG*
Dịch vụ hàng không							
1	Dịch vụ hàng không xuất	9.542	52,81%	7.312	46,83%	3.175	31,66%
2	Dịch vụ hàng không nhập	458	2,54%	511	3,27%	495	4,94%
Dịch vụ đường biển							
3	Dịch vụ đường biển xuất	1.683	9,31%	1.856	11,89%	1.569	15,65%
4	Dịch vụ đường biển nhập	481	2,66%	559	3,58%	514	5,13%
Dịch vụ giá trị gia tăng							
5	Dịch vụ logistics	1.020	5,64%	1.191	7,63%	1.356	13,52%
Dịch vụ đại lý tàu biển							
6	Dịch vụ đại lý	932	5,16%	670	4,29%	525	5,24%
Dịch vụ cho thuê kho bãi							
7	Thuê kho	3.952	21,88%	3.515	22,51%	2.393	23,86%
Tổng cộng		**18.068**	**100,00%**	**15.614**	**100,00%**	**10.029**	**100,00%**

Nguồn: Vinafreight

(*) LNG: lợi nhuận gộp

Với vai trò chủ đạo của mình, dịch vụ hàng không vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu lợi nhuận của công ty (chiếm trên 50% trên tổng lợi nhuận gộp toàn công ty). Đứng vị trí thứ hai trong cơ cấu này là dịch vụ cho thuê kho bãi với hơn 20% trên tổng lợi nhuận. Đây được xem là nhóm ngành có tỷ suất sinh lợi cao nhất của công ty, do đó công ty đang tập trung xây dựng chiến lược để phát triển hiệu quả dịch vụ này.

8.4 Nhà cung cấp:

a. Nhà cung cấp dịch vụ đầu vào:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là thực hiện các hợp đồng giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước theo đơn đặt hàng/hợp đồng của khách hàng. Hiện nay Công ty đang là đối tác của các nhà cung cấp dịch vụ vận tải lớn trên thế giới như:

- Hàng không: Đại lý bán cước và hợp đồng vận chuyển với nhiều hãng hàng không lớn trên thế giới như: Singapore Airlines, Vietnam Airlines, Eva Airways, Cathay Pacific Airways, AirFrance, Bristish Airways, Philippines Airways, Lufthansa German Airlines và China Airlines…
- Đường biển: Hiện tại Vinafreight đang có hợp đồng dài hạn với các nhiều hãng tàu và hãng giao nhận lớn của thế giới như NYK Line, CMA, Maersk…

STT	*Nhà cung cấp*	*Nước*
1	Singapore Airlines	Singapore
2	Vietnam Airlines	Việt Nam
3	Eva Airways	Đài Loan
4	Cathay Pacific Airways	Hồng Kông
5	AirFrance	Pháp
6	Korean Airways	Hàn Quốc
7	China Airlines	Trung Quốc
8	Lufthansa German Airlines	Đức
9	Gemadept Corporation	Việt Nam
10	Maersk Vietnam	Việt Nam
11	NYK Line Vietnam	Việt Nam
12	CMA	Pháp

b. Sự ổn định của các nguồn cung ứng dịch vụ đầu vào :

Là đối tác tin cậy của các hãng hàng không, các đại lý tàu biển lớn trên thế giới, với phương thức hoạt động rất chuyên nghiệp, Vinafreight luôn tự tin với nguồn cung cấp dịch vụ của mình. Mọi hoạt động, dự án hợp tác đều được chuẩn bị kỹ lưỡng kèm theo các hợp động ký kết.

Hơn nữa nhằm đảm bảo nguồn cung cấp dịch vụ một cách an toàn cũng như đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp đến khách hàng, Vinafreight luôn thực hiện kiểm soát quá trình mua/thuê dịch vụ và đánh giá năng lực nguồn cung ứng. Công ty sẽ gửi yêu cầu kiểm tra về dịch vụ, thiết bị cơ sở của người cung ứng và cử người đến nơi tiến hành kiểm tra.

c. Ảnh hưởng của nhân tố đầu vào đến doanh thu và lợi nhuận:

Doanh thu và lợi nhuận của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động về kim ngạch xuất nhập khẩu. Kinh tế thế giới tăng trưởng tốt hơn trong năm 2010 sẽ là điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, dự báo GDP 2010 của Việt Nam sẽ đạt 6,5% và Chính Phủ sẽ cố gắng duy trì lạm phát ở mức 7%; 3 yếu tố lạc quan tác động lên nhu cầu vận tải biển Việt Nam là:

- Hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam là hàng hóa cơ bản, phục vụ đời sống thiết yếu như gạo, giầy dép, dệt may, thủy sản… mặc dù không tránh được suy giảm nhưng sẽ khó bị giảm mạnh trong điều kiện thu nhập vẫn bị thu hẹp và nhanh chóng tăng trở lại khi có tín hiệu khả quan;
- Đồng Việt Nam yếu cũng đang tạo ra lợi thế cạnh tranh cho hàng hóa xuất khẩu, đặc biệt là hàng hóa có tỷ lệ nguyên liệu ngoại nhập thấp;
- Việc giải ngân các dự án đầu tư và nâng cao năng lực sản xuất sẽ làm tăng nhu cầu nhập khẩu.

Ngoài sự hồi phục của kinh tế, khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc – ASEAN và Australia, NewZealand – ASEAN chính thức hoạt động trong năm 2010 cũng sẽ mở ra cơ hội cho rất nhiều ngành. Việc ưu tiên cho vay xuất khẩu được thực hiện cũng sẽ tạo ra rất nhiều thuận lợi. Dự báo giá trị xuất khẩu của nước ta năm nay sẽ tăng 6% sau khi giảm 9,3% trong năm 2009.

Cùng với việc đặt mục tiêu xuất khẩu năm 2010 ở mức 59,9 tỷ USD (tăng 6%) so với năm 2009 thì Bộ Công Thương dự kiến kim ngạch nhập khẩu năm 2010 khoảng 74,4 tỷ USD, tăng 9% so với năm 2009; khống chế nhập siêu hàng hóa năm 2010 khoảng 14,5 tỷ USD (bằng mức nhập siêu năm 2007) tỷ trọng nhập siêu/xuất khẩu ở mức 24,3%. Tiêu dùng sẽ vẫn tăng dù chậm cũng vẫn góp phần tạo thêm lực cầu mới. Cùng với đó, các dự án đầu tư nước ngoài đăng ký trong những năm vừa qua sẽ được giải ngân nhiều hơn trong năm 2010 do kinh tế phục hồi, dẫn đến nhu cầu nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu sẽ tăng. Các chương trình kích cầu sản xuất - đầu tư - tiêu dùng phát huy tác dụng sẽ dẫn đến nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu như sắt thép, vật liệu xây dựng, xăng dầu… tăng cao. Các doanh nghiệp sẽ tận dụng cơ hội từ Chương trình hỗ trợ lãi suất của Chính phủ (trung hạn và dài hạn) để mua sắm máy móc thiết bị nhập khẩu từ nước ngoài, đồng thời tận dụng cơ hội giá rẻ từ thị trường thế giới. Năng lực sản xuất trong nước được nâng cao thì nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ đầu tư, xây dựng, sản xuất, xuất nhập khẩu cũng gia tăng.Tuy nhiên, mục tiêu ổn định nền kinh tế được ưu tiên hơn tăng trưởng nên sản xuất sẽ chưa có sự phát triển mạnh. Và trong bối cảnh kinh tế - tài chính trong nước và quốc tế vẫn còn nhiều bất ổn cần được giải quyết lâu dài, giữ một góc nhìn lạc quan thận trọng về triển vọng ngành giao nhận vận tải biển trong năm 2010. Ngành giao nhận vận tải biển Việt Nam sẽ hồi phục và nhộn nhịp hơn năm 2009, nhưng duy trì ở mức trung bình và khó có nhiều khởi sắc.

Bên cạnh đó, những bất ổn trong giá các nguồn nguyên nhiên liệu thiết yếu như xăng dầu trong thời gian qua không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn doanh thu từ các hoạt động giao nhận vận tải nội địa mà còn tác động gián tiếp tới doanh thu từ các dịch vụ đại lý tàu biển hay hàng không…vv do các hãng vận tải cũng có những động thái nâng phí vận chuyển.

8.5 Chi phí sản xuất:

Đánh giá sơ nét về chi phí của công ty so với doanh thu thuần:

ĐVT: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2008		Năm 2009		Quý 1/2010	
	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng / DTT	Giá trị	Tỷ trọng / DTT
Giá vốn hàng bán	366.866	95,31%	271.966	94,57%	99.764	90,87%
Chi phí tài chính	5.435	1,41%	6.133	2,13%	2.290	2.09%
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.745	2,53%	8.933	3,11%	1.637	1,49%
Tổng chi phí	**382.046**	**99,25%**	**287.032**	**99,81%**	**103.691**	**94.45%**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2009 và BCTC hợp nhất Quý 1/2010 của Vinafreight

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng rất lớn trên doanh thu thuần thể hiện đặc thù nghiêng về thương mại trong hoạt động của Công ty. Từ cuối năm 2008, công ty đã áp dụng các biện pháp nhằm giảm hoặc tối thiểu là duy trì chi phí giá vốn trong bối cảnh chi phí đầu vào của ngành giao nhận vận tải tăng lên hằng năm. Kết quả bước đầu đạt được là năm 2009 tỷ trọng giá vốn hàng bán/doanh thu thuần có xu hướng giảm (năm 2009 còn 94,57% trên tổng doanh thu thuần).

Bên cạnh đó, việc quản lý tốt các chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính đã giúp tỷ trọng tổng chi phí /Tổng doanh thu của Công ty luôn được duy trì ở mức ổn định.

8.6 Trình độ công nghệ:

Sau gần 9 năm trưởng thành và phát triển, Vinafreight đã từng bước thực hiện chiến lược đa dạng hoá kinh doanh, các hoạt động kinh doanh riêng biệt được liên kết với nhau tạo thành chuỗi dịch vụ khép kín đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Để thực hiện được điều đó, Công ty đã liên tục đầu tư, phát triển một cách đồng bộ các lĩnh vực kinh doanh mới về cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị, con người cho từng lĩnh vực.

Hiện tại, Công ty đang quản lý và khai thác 18 xe đầu kéo và hệ thống rơ móc có khả năng vận chuyển hàng có trọng tải 8x20' đến 10x40', đội xe tải có trọng tải từ 500kg đến 2,5 tấn. Công ty hiện có 04 nhà kho có vị trí rất thuận lợi: nhà kho tại số 196 Tôn Thất Thuyết Quận 4, 131 Bến Văn Đồn Quận 4, 18A Tân Thuận Đông Quận 7 và số 01 Lý Hải Quận 7 với hơn 10.000 m^2. Để phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải nội địa và quốc tế đa phương thức, Vinafreight đã đầu tư đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho việc bốc dỡ hàng tại kho như xe nâng, băng tải, palet, tổng đài, máy tính phục vụ việc quản lý hàng hóa trong kho... với đội ngũ công nhân bốc dỡ kinh nghiệm và lành nghề.

ý,

mạng kết nối nội bộ LAN đã được thiết lập tại trụ sở chính từ năm 2003. Trong mỗi khu vực sử dụng đường truyền cáp quang tốc độ cao, kết nối và trao đổi thông tin giữa các khu vực và trung tâm. Về phần mềm, Công ty cũng đã từng bước đầu tư các phân hệ phần mềm quản trị doanh nghiệp do các nhà cung cấp trong nước sản xuất phục vụ cho các bộ phận chuyên môn như tài chính kế toán, nhân sự và quản lý khai thác đội tàu nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp.

8.7 Qui trình thực hiện dịch vụ vận chuyển/ giao nhận:

- Sau khi nhận được yêu cầu cung cấp dịch vụ từ khách hàng, nhân viên kinh doanh sẽ tiến hành phân tích, hỗ trợ khách hàng chọn lựa dịch vụ phù hợp nhất.
- Cùng khách hàng thảo luận để đi đến thống nhất về dịch vụ liên quan. Sau đó, 02 bên cùng tiến hành ký kết hợp đồng. Hợp đồng sẽ quy định cụ thể các thông tin về phạm vi dịch vụ cung cấp, thời gian thực hiện, mức phí dịch vụ, trách nhiệm bên liên quan…
- Nhân viên kinh doanh sẽ chuyển hợp đồng cho các bộ phận liên quan để tiến hành nghiệp vụ: Phòng nhập, phòng xuất, phòng đại lý tài biển, phòng cho thuê kho bãi, phòng cung cấp các dịch vụ gia tăng,…
- Các phòng liên quan luôn chú trọng cung cấp chính xác các chứng từ liên quan đến việc vận chuyển các lô hàng xuất nhập khẩu do các hãng vận chuyển đảm trách; đồng thời kịp thời xử lý, cập nhật, chỉnh sửa các chứng từ này khi có nhu cầu phát sinh từ khách hàng.

- Bên cạnh đó, công ty còn thực hiện các dịch vụ hỗ trợ như khai thuế xuất nhập khẩu hàng hóa, đóng gói, đóng kiện, lưu kho chờ khai quan, xếp hàng vào container trong quá trình khai quan, khai thuế xuất nhập khẩu ủy thác.
- Khi hàng về đến kho/cảng, nhân viên bộ phận giao nhận sẽ tiến hành kiểm kê hàng hóa và tiến hành chuyển giao dịch vụ, hàng hóa cho khách hàng.

8.8 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

Với phương châm luôn cung cấp dịch vụ có chất lượng cao cho khách hàng, Công ty không ngừng cải tiến, hoàn thiện chất lượng sản phẩm dịch vụ vận tải đồng thời tìm kiếm các cơ hội kinh doanh mới. Ngoài hoạt động vận tải biển và dịch vụ đại lý vận tải, Công ty còn tham gia kinh doanh các ngành nghề dịch vụ hàng hải khác như đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và đường bộ, môi giới hàng hải, giao nhận và kiểm đếm hàng hóa, khai thuê hải quan và làm ủy thác xuất nhập khẩu. Nhận thấy xu thế tích hợp các phương thức hoạt động vận tải riêng lẻ thành chuỗi cung ứng dịch vụ , Công ty đang và sẽ mở rộng và phát triển các hoạt động trên để từng bước hình thành mô hình vận tải khép kín vận tải biển, vận tải bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hoá. Cụ thể là năm 2010 công ty sẽ làm đại lý cho Hapa Sped - một trong những nhà vận chuyển hàng đầu, chuyên về hàng lẻ.

Ngoài ra, công ty luôn chú trọng mở rộng thị trường sang các khu vực tiềm năng. Trong năm 2010, công ty dự kiến sẽ mở văn phòng đại diện tại Campuchia. Đây được đánh giá là thị trường rất tiềm năng trong tương lai.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đang xúc tiến dự án đầu tư xây căn hộ cao cấp tại lô đất tại 196 Tôn Thất Thuyết Quận 4 trên khuôn viên đất gần 3000 m^2, dự kiến sẽ đưa tiến hành xây dựng vào thời gian tới nhằm đáp ứng nhu cầu căn hộ cao cấp ngày càng tăng tại TP Hồ Chí Minh.

Song hành cùng với các giá trị trên, Vinafreight còn chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Công ty tiến hành xây dựng các chương trình đào tạo cụ thể, phù hợp với từng nhân viên đảm bảo công tác này được thực hiện một cách thường xuyên, sát với nhu cầu công việc thực tế. Một số hình thức đào tạo, phát triển đang được áp dụng tại Công ty gồm: đào tạo tại chỗ, cử các nhân viên nghiệp vụ tham dự các khóa huấn luyện ngắn hạn về đại lý giao nhận do VIFFAS, IATA, FIATA tổ chức... , luôn rà soát và tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản trị, quản lý nội bộ, liên tục cập nhật các thay đổi và quy định pháp luật mới liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Công ty.

8.9 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ:

Các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty hiện nay tập trung vào dịch vụ vận tải hàng hóa, môi giới hàng hải, dịch vụ hàng không... Đây là những hoạt động không tạo ra của cải vật chất mà là cung cấp các dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng. Do đó, chất lượng dịch vụ luôn được công ty chú trọng. Vinafreight đang xây dựng một hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002 dựa trên sự hiểu biết và ý thức chấp hành của toàn thể nhân viên trong Công ty. Vinafreight cũng đã xây dựng Sổ tay Chất lượng, trong đó mô tả cấu trúc và những nguyên tắc chung của hệ thống chất lượng, quy trình thực hiện từng hoạt động nghiệp vụ kinh doanh của Công ty với mô tả rõ ràng về chức năng và nhiệm vụ của từng cá nhân, hệ thống biểu mẫu, báo cáo kiểm tra, sổ sách và các báo cáo khác phục vụ cho công tác quản lý và giám sát chất lượng hoạt động kinh doanh của Công ty. Cơ chế quản lý phân quyền

được phân cấp chi tiết đến từng bộ phận và cấp bậc, giúp nâng cao hiệu quả quản lý về trách nhiệm công việc đối với từng cá nhân.

Với bộ máy và hệ thống quản lý chất lượng như vậy, Vinafreight luôn đảm bảo thỏa mãn những yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng trong và ngoài nước, giảm thiểu sai sót và không ngừng cải tiến chất lượng trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

8.10 Hoạt động Marketing:

Cùng với việc đầu tư mở rộng và phát triển các hoạt động sản xuất, công tác quản lý chất lượng, công tác tiếp thị là một trong những khâu quan trọng, đóng góp tích cực vào hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các hoạt động makerting chính của công ty bao gồm:

- Thực hiện chính sách tiếp thị thường xuyên, liên tục để duy trì, giữ vững mối quan hệ tốt đẹp với các khách hàng truyền thống. Bên cạnh đó phát triển đội ngũ chăm sóc khách hàng với các dịch vụ chất lượng cao để tìm kiếm, mở rộng đối tượng khách hàng mới.
- Giao quyền chủ động cho phòng ban chức năng và các chi nhánh, đơn vị thành viên trong việc xây dựng chính sách giá cả linh hoạt, hợp lý tại các thời điểm khác nhau, có chính sách hoa hồng và cơ chế thưởng xứng đáng cho hệ thống trung gian giới thiệu.
- Công ty áp dụng các chiến lược quảng cáo và hỗ trợ quảng cáo để quảng bá thương hiệu nhằm mục đích đạt được doanh thu dự tính như: xây dựng website của Công ty, thông tin trên các phương tiện đại chúng, đặc biệt là trên các tạp chí trong ngành, quảng bá văn phòng phẩm, tặng phẩm có logo của Công ty cho khách hàng.
- Tham gia các hội nghị, hội thảo ngành nghề của quốc gia, khu vực và quốc tế để cập nhật thông tin về thị trường, các doanh nghiệp cùng ngành, đồng thời đây cũng là cơ hội tốt để Công ty mở rộng mạng lưới bạn hàng và đối tác.

8.11 Nhãn hiệu thương mại và đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền:

Logo của Công ty:

8.12 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết:

Bên cạnh làm đại lý với các đối tác lớn trong lĩnh vực dịch vụ giao nhận vận tải, Vinafreight đã và đăng ký kết được nhiều hợp đồng vận tải cho khách hàng trong nhiều lĩnh vực, một số khách hàng tiêu biểu như sau:

STT	Khách hàng
1	Motives (Far East) limited (Vietnam rep. Office)
2	Minh Nghe trading & industrial co. Ltd
3	Sonion Vietnam co., ltd.
4	Basan Asia Pacific pte. Ltd.
5	Kuehne & Nagel ltd.
6	VNCX Catering Services ltd.
7	Nissin Logistics (VN) co., ltd.

8	Lavie Việt Nam
9	Vifah Manufacturing Company (Công Ty TNHH Duy Huynh)
10	Công ty TNHH Yujin Vina
11	Công ty TNHH Việt Nam Paiho
12	Công ty TNHH Mega Step Electronics (Việt Nam)
13	Công ty TNHH Cơ Nhiệt Lạnh Hồng Nhựt
14	Công ty TNHH Nam An Suntop
15	Công ty Cổ phần XNK Sa Giang
16	Công ty Cổ phần Thiết bị Việt Anh
17	Công ty Cổ phần XNK Hàng Không
18	Vietsovpetro J.V.C
19	Công ty Thang máy Hải Vân Otis
20	Công ty Bay Dịch vụ Miền Nam
21	Công Ty II-Vi Viet Nam (Mỹ)

Nguồn: Vinafreight

Các hợp đồng vận tải giữa Công ty và khách hàng thường là các hợp đồng nguyên tắc dài hạn, ổn định đã được triển khai trong suốt nhiều năm qua. Các hợp đồng nguyên tắc này có ý nghĩa ghi nhận cam kết hợp tác giữa hai bên, không thể hiện giá trị hợp đồng và có thể coi như hợp đồng vô thời hạn, còn trên thực tế, lượng hàng được xếp và thời gian xếp hàng được ghi nhận theo từng hợp đồng cụ thể phát sinh. Bên cạnh đó, Công ty cũng ký kết các hợp đồng lẻ ngắn hạn với các bạn hàng khác nhằm tăng doanh thu, mở rộng quan hệ khách hàng và làm bước đệm để có thể hợp tác thực hiện các hợp đồng dài hạn trong tương lai .

9. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

9.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2008 , 2009 và 31/03/2010:

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	% tăng giảm 2009/2008	Quý I/2010
1. Tổng giá trị tài sản	134.126	146.787	9,44%	173.731
2. Doanh thu thuần	384.934	287.580	(25,29)%	109.793
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11.378	13.586	19,41%	7.133
4. Lợi nhuận khác	(16)	57	-	1
5. Lợi nhuận trong công ty liên doanh/ liên kết	6.947	3.115	(55,16)%	1.483
6. Lợi nhuận trước thuế	18.309	16.758	(8,47)%	8.617
7. Lợi nhuận sau thuế	16.495	15.333	(7,04)%	6.887
7.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	*426*	*366*	*(14,08)%*	*454*
7.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	*16.069*	*14.967*	*(6,86)%*	*6.433*

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2009 và BCTC hợp nhất Quý 1/2010 Vinafreight

Kết quả kinh doanh của Công ty năm 2009 đã có sự chững lại tương đối, giảm 6,86% so với năm 2008. Nguyên nhân xuất phát chủ yếu từ sự sụt giảm lợi nhuận ở công ty liên doanh, liên kết (năm 2009 giảm hơn 50% so với năm 2008), Cụ thể là ở 02 công ty: Jardine Shipping, Expo Vi Na. Đây là những công ty mới hoạt động trong ngành giao nhận vận tải nên khó tránh khỏi những khó khăn bước đầu. Tuy nhiên với triển vọng ngành trong tương lai, những công ty này hứa hẹn sẽ đóng góp không nhỏ trong việc góp phần tạo ra doanh thu đột biến cho Vinafreight.

Ghi chú: Vinafreight có 01 công ty con, 01 công ty liên doanh, 05 công ty liên kết. Hiện nay Vinafreight đang thực hiện các thủ tục kiểm toán để làm báo cáo hợp nhất bán niên năm 2010 nên số liệu tài chính hợp nhất trình bày ở trên chỉ thể hiện số liệu quý 01/2010, riêng số liệu tài chính của công ty mẹ thì được trình bày tới quý 02/2010.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	% tăng giảm 2009/2008	06 tháng đầu năm 2010
1. Tổng giá trị tài sản	98.349	100.802	2,49%	108.181
2. Doanh thu thuần	177.321	111.037	(37,38%)	81.929
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8.302	13.137	58,24%	6.265
4. Lợi nhuận khác	(17)	29	272,03%	7
5. Lợi nhuận trước thuế	8.285	13.167	58,92%	6.272
6. Lợi nhuận sau thuế	7.923	12.471	57,41%	5.689
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	87%	63%	(24%)	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009 và BCTC 06 tháng đầu năm 2010 Vinafreight

9.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Thuận lợi

Sau cuộc khủng hoảng năm 2008, tình hình kinh tế Việt Nam vẫn chưa ổn định, hoạt động xuất nhập khẩu chưa có nhiều biến chuyển mạnh, kim ngạch xuất khẩu của cả nước đạt 57 tỷ USD, giảm 11,5% so năm 2008 *(Nguồn: Tổng cục thống kê)*. Nhân tố này đã làm ảnh hưởng ít nhiều đến doanh thu của công ty, cụ thể doanh thu thuần thực hiện năm 2009 thấp hơn năm 2008 đến hơn 25%. Biết trước những khó khăn đó, Ban lãnh đạo công ty đã chủ động kiểm soát tốt chi phí đầu vào nên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của công ty tăng gần 20%, đạt mức 13,58 tỷ đồng. Riêng công ty mẹ lợi nhuận trước thuế năm 2009 tăng đến gần 60% so với năm 2008.

b. Khó khăn

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, Vinafreight cũng không phải là ngoại lệ trước những khó khăn và thách thức mới mở ra từ tiến trình hội nhập hóa nền kinh tế và sức cạnh tranh ngày

càng gay gắt cả trên thị trường nội địa cũng như thị trường quốc tế. Đây là những rào cản không nhỏ đối với các doanh nghiệp đang hoạt động trong ngành trong việc áp dụng các chính sách giá linh hoạt phù hợp với biến động cả về số lượng và giá cả của thị trường các yếu tố đầu vào, và do vậy cũng có những tác động nhất định đến hiệu quả hoạt động của các công ty.

Thêm vào đó, năm 2009 là một năm khó khăn đối với các doanh nghiệp vận tải nói chung và đặc biệt là đối với Vinafreight. Giá cước vận tải biển quốc tế sau khi sụt giảm mạnh xuống mức đáy vào cuối năm 2008 đã có sự hồi phục trở lại từ giữa năm 2009. Nguyên nhân chủ yếu của sự hồi phục này là do nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu thô và khoáng sản của Trung Quốc gia tăng đáng kể. Tác động của việc tăng giá cước đã phần nào phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vào những tháng cuối năm. Tuy vậy, giá cước vận tải biển vẫn chưa thực sự tăng trưởng ổn định và không ở mức đảm bảo mức sinh lãi cho các doanh nghiệp trong ngành.

10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

10.1 Vị thế của Công ty trong ngành:

Trong những năm gần đây, ngành dịch vụ giao nhận vận tải tại Việt Nam đã và đang phát triển rất nhanh chóng. Đầu thập niên 90 thế kỷ trước, Việt Nam chỉ có một vài DN giao nhận quốc doanh, đến nay đã có 800-900 DN hoạt động trong lĩnh vực giao nhận vận tải. Trong đó, Hiệp hội Giao nhận kho vận Việt Nam (VIFFAS) có 97 hội viên (77 hội viên chính thức và 20 hội viên liên kết). Giao nhận vận tải là một ngành dịch vụ đầy tiềm năng ở Việt Nam, với tốc độ phát triển trung bình 20%/năm. Chính sự hấp dẫn này nên thị trường giao nhận vận tải Việt Nam đã thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài. Hầu hết các tập đoàn giao nhận vận tải lớn trên thế giới đã có mặt tại Việt Nam. Thị trường thể hiện mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt. Bên cạnh sự cắt giảm cước phí của các Hãng tàu, các Công ty làm đại lý vận tải còn cạnh tranh giành khách hàng bằng cách giảm phí dịch vụ một cách tối đa và trong nhiều trường hợp, chịu chấp nhận không có lãi nhằm lôi kéo khách hàng. Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo của Vinafreight chủ trương vẫn duy trì giữ nguyên mức phí của Công ty và đồng thời tăng cường tập trung nâng cao hơn nữa chất lượng của dịch vụ. Do vậy đến nay Vinafreight vẫn duy trì được một vị thế nhất định trên thị trường dịch vụ đại lý vận tải và giao nhận hàng hoá.

Đối với dịch vụ vận tải hàng không

Trong 8 năm qua, dịch vụ vận tải hàng không đem lại trên dưới 70 % tổng Doanh thu thuần cho cả Công ty. Tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh, Vinafreight là một trong những đại lý vận tải đường không có lượng hàng vận tải hàng năm lớn nhất và được các Hãng hàng không xếp hạng như sau:

Hãng hàng không	Singapore Airlines	Malaysia Airline	China International
Thứ hạng	2	3	3

Nguồn: Vinafreight

Đối với dịch vụ vận tải hàng hải

Với thị trường chủ yếu là khu vực thành phố Hồ Chí Minh nên Vinafreight cạnh tranh trực tiếp với các tên tuổi lớn trong ngành như Gemadept, Vitranschart, Samtra, Saigonship,... và trong nhiều năm liền, Vinafreight được đánh giá là một trong những doanh nghiệp hàng đầu của ngành. Đặc biệt, trong những năm gần đây Vinafreight đã tạo được thế đứng vững trong dịch vụ thu gom hàng lẻ đóng container chung chuyển đi các Cảng trên thế giới.

Sản lượng vận chuyển trung bình hàng năm của Vinafreight thực hiện qua các cảng chính tại thành phố Hồ Chí Minh như sau:

2008	2009	Quý 1/2010
15.000 tấn	14.000 tấn	7.000 tấn

Nguồn: Vinafreight

Đối với dịch vụ giá trị gia tăng

Tỷ trọng doanh thu của các dịch vụ này trong quý 01 năm 2010 tăng trở lại, đạt 16% tổng doanh thu. Nhận thức được tiềm năng của các hoạt động này, trong thời gian tới Công ty sẽ chú trọng đầu tư phát triển đội ngũ khai quan giao nhận linh hoạt, phù hợp với nhu cầu từng thời điểm.

Đối với dịch vụ đại lý tàu biển

Hiện tại, Công ty làm đại lý cho NewShip, CP Ship,… Đây là những hãng tàu có quy mô lớn và uy tín trên thị trường quốc tế, góp phần làm tăng uy tín của Vinafreight và đem lại nguồn cầu dịch vụ ổn định và tiềm năng cho Công ty. Doanh thu thuần từ dịch vụ này hiện chiếm một tỷ lệ khá khiêm tốn (1-3% doanh thu thuần) nhưng lại mang về hơn 4% lợi nhuận gộp cho công ty.

Dịch vụ cho thuê kho bãi:

Mặc dù chỉ đóng góp rất ít cho doanh thu thuần (2-4% doanh thu thuần) nhưng hoạt động cho thuê kho bãi chiếm hơn 20% lợi nhuận gộp của công ty. Đây hứa hẹn là nhóm dịch vụ tiềm năng với tỷ suất sinh lợi rất cao và ổn định cho công ty tuy nhiên cũng sẽ có cạnh tranh gay gắt từ những đối thủ trong ngành. Do đó, công ty đang tiến hành sắp xếp lại hệ thống kho bãi: phát triển tiếp các kho có vị trí thuận lợi và chuyển hướng kinh doanh với những kho có lợi thế khác.

10.2 Triển vọng phát triển của ngành:

Kinh tế thế giới tăng trưởng tốt hơn trong năm 2010 sẽ là điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, ANZ dự báo GDP 2010 của Việt Nam sẽ đạt 6,5% và Chính Phủ sẽ cố gắng duy trì lạm phát ở mức 7%; 3 yếu tố lạc quan tác động lên nhu cầu vận tải Việt Nam là:

- Hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam là hàng hóa cơ bản, phục vụ đời sống thiết yếu như gạo, giầy dép, dệt may, thủy sản… mặc dù không tránh được suy giảm nhưng sẽ khó bị giảm mạnh trong điều kiện thu nhập vẫn bị thu hẹp và nhanh chóng tăng trở lại khi có tín hiệu khả quan;
- Đồng Việt Nam yếu cũng đang tạo ra lợi thế cạnh tranh cho hàng hóa xuất khẩu, đặc biệt là hàng hóa có tỷ lệ nguyên liệu ngoại nhập thấp;
- Việc giải ngân các dự án đầu tư và nâng cao năng lực sản xuất sẽ làm tăng nhu cầu nhập khẩu.

Ngoài sự hồi phục của kinh tế, khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc – ASEAN và Australia, NewZeland – ASEAN chính thức hoạt động trong năm 2010 cũng sẽ mở ra cơ hội cho rất nhiều ngành. Việc ưu tiên cho vay xuất khẩu được thực hiện cũng sẽ tạo ra rất nhiều thuận lợi. Bộ Công thương dự báo giá trị xuất khẩu của nước ta năm nay sẽ tăng 6% sau khi giảm 9,3% trong năm 2009.

Cùng với việc đặt mục tiêu xuất khẩu năm 2010 ở mức 59,9 tỷ USD (tăng 6%) so với năm 2009 thì Bộ Công Thương dự kiến kim ngạch nhập khẩu năm 2010 khoảng 74,4 tỷ USD, tăng 9% so với năm 2009. Khống chế nhập siêu hàng hóa năm 2010 khoảng 14,5 tỷ USD (bằng mức nhập siêu năm 2007) tỷ trọng nhập siêu/xuất khẩu ở mức 24,3%.

Tiêu dùng sẽ vẫn tăng dù chậm cũng vẫn góp phần tạo thêm lực cầu mới. Cùng với đó, các dự án đầu tư nước ngoài đăng ký trong những năm vừa qua sẽ được giải ngân nhiều hơn trong năm 2010 do kinh tế phục hồi, dẫn đến nhu cầu nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu sẽ tăng. Các chương trình kích cầu sản xuất - đầu tư - tiêu dùng phát huy tác dụng sẽ dẫn đến nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu như sắt thép, vật liệu xây dựng, xăng dầu… tăng cao. Năng lực sản xuất trong nước được nâng cao thì nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ đầu tư, xây dựng, sản xuất, xuất nhập khẩu cũng gia tăng.

Thêm vào đó, hành lang pháp lý cho ngành giao nhận vận tải ngày càng thông thoáng, giảm thiểu sự cồng kềnh với một số các bộ luật quan trọng được thông qua và bắt đầu có hiệu lực như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Bộ luật Hàng Hải, Luật Chứng khoán, Luật Đấu thầu, vv... Đây là các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế vừa tạo ra những cơ hội lớn cho sự đột phá của ngành giao nhận vận tải Việt Nam nhưng đồng thời cũng đặt các doanh nghiệp hoạt động trong ngành trước những khó khăn và thách thức mới đặc biệt về sức ép cạnh tranh cả trên thị trường nội địa và quốc tế khi sự độc quyền trong ngành không còn tồn tại và ngày càng nhiều các doanh nghiệp nước ngoài cùng ngành nghề có lợi thế về kinh nghiệm, uy tín và điều kiện kỹ thuật tham gia vào thị trường Việt Nam. Tuy nhiên, ưu thế về vị trí địa lý nằm ở khu vực chiến lược trong vùng Đông Nam Á có bờ biển trải dài trên 2.000 km, có nhiều cảng nước sâu và các sân bay quốc tế, hệ thống đường sắt xuyên suốt quốc gia, thu hút được nhiều vốn ODA và các nguồn vốn phí chính phủ hỗ trợ Việt Nam nhằm phát triển cơ sở hạ tầng tạo sực hấp dẫn cho Việt Nam trở thành điểm trung chuyển hàng hóa thuận lợi trong các tuyến đường vận chuyển quốc tế. Do đó, Ngành giao nhận vận tải trong nước có cơ hội để ngày càng phát triển.

Đặc biệt, riêng đối với lĩnh vực vận tải biển Việt Nam, theo quy hoạch phát triển vận tải biển Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì mục tiêu phát triển sẽ là nâng cao thị phần vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp vận tải biển trong nước lên 25% đến năm 2010 và 35% vào năm 2020 và vận tải biển nội địa đạt 100%. Do vậy, thị trường vận tải biển và các dịch vụ hàng hải, kho bãi sẽ trở nên vô cùng tiềm năng.

10.3 Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước:

Theo số liệu từ Cục Hàng không dân dụng Việt Nam, định hướng phát triển của ngành hàng không đến năm 2020 sẽ có mức tăng trưởng 11-14%/năm, đạt 32,4 triệu khách và 0,8 triệu tấn

hàng hóa, mạng đường bay được mở rộng với tần suất khai thác cao, dịch vụ trung chuyển tốt tại 2 trung tâm Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, phát triển đội tàu bay lên 140 - 150 chiếc (trong đó sở hữu 70-80 chiếc). Đến năm 2020, sẽ mở rộng hoạt động kinh doanh vận tải hàng không, xoá độc quyền, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, phấn đấu đứng trong top 3 của ASEAN về vận tải hàng không với tối đa 10 hãng hàng không. Đồng thời, nâng công suất, năng lực khai thác của toàn mạng cảng hàng không lên gấp 4 lần so với hiện nay vào thời điểm năm 2020.

Chính phủ cũng đã có định hướng cho phát triển ngành giao nhận vận tải hàng hải, đường bộ. Theo đó Chính phủ đã có kế hoạch 5 năm 2006 – 2010 cho sự phát triển về vận tải hàng hải và đường bộ.

Như vậy việc Vinafreight tập trung làm đối tác với các hãng vận tải hàng không cũng như đường thủy lớn trên thế giới là rất chiến lược.

Bên cạnh đó, mục tiêu của công ty là nâng tầm thương hiệu lên tầm quốc tế, nâng cao hiệu quả quản lý, mở rộng mạng lưới hoạt động và đa dạng hóa lĩnh vực dịch vụ cung cấp trong ngành giao nhận vận tải. Việc cải thiện chất lượng dịch vụ cung cấp được Công ty đặc biệt chú trọng trong giai đoạn tới nhằm nâng cao sức cạnh tranh của Công ty, duy trì thị phần và doanh thu lợi nhuận của Công ty trong điều kiện kinh doanh ngày càng cạnh tranh gay gắt.

Chiến lược phát triển của Công ty là tiếp tục đẩy mạnh các dịch vụ truyền thống và thế mạnh của mình như giao nhận hàng hóa, xuất nhập khẩu qua đường biển và hàng không. Xây dựng và phát triển mạnh mảng vận tải, đầu tư về nhân lực, kho bãi trang thiết bị vận tải nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong và ngoài nước.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1 Số lượng người lao động trong Công ty:

Tổng số lao động trong Công ty tại thời điểm 31/03/2010 là **133** người với cơ cấu như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Theo trình độ lao động		
Trên đại học	3	2,26
Đại học	50	37,57
Cao đẳng	18	13,55
Trung cấp	9	6,77
Phổ thông (kể cả lao động thời vụ)	35	26,3
Khác	18	13,55
Tổng cộng	**133**	**100,00%**

Nguồn: Công ty cổ phần Vận tải Ngoại Thương – Vinafreight

11.2 Chính sách đối với người lao động:

Đối với Công ty, người lao động là tài nguyên, là yếu tố dẫn đến thành công trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, nhân tố con người được Công ty quan tâm hàng đầu. Bên cạnh chế độ đãi ngộ với mức lương cạnh tranh, Công ty luôn tạo môi trường làm việc thân thiện, thi đua và cùng nhau phát triển để người lao động có thể phát huy hết khả năng sáng tạo, tính năng động và nỗ lực hết mình đóng góp vào sự phát triển ngày một vững mạnh của Công ty.

Vinafreight luôn thực hiện đúng nội quy lao động đã được ký duyệt, tạo điều kiện tốt cho Tổ chức Công đoàn bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng cho người lao động. Công ty Tổ chức hội nghị người lao động hằng năm, thông qua thỏa ước lao động tập thể nhằm đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của người lao động và doanh nghiệp; luôn cố gắng tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động. Giải quyết các chế độ, lương thưởng cho người lao động kịp thời, đầy đủ theo quy định của Công ty và pháp luật, chăm lo đến đời sống tinh thần của người lao động.

Các chính sách cụ thể :

- **Chế độ làm việc**
  - Công ty thực hiện chế độ 5 ngày rưỡi làm việc/tuần và 8 giờ/ngày. Công ty và nhân viên có thể thỏa thuận về việc làm thêm giờ và số giờ làm thêm này sẽ được tính cho người lao động là từ 150% đến 300% của mức lương làm việc thông thường.
  - Đối với nhân viên theo chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ, Công ty sẽ giảm 1 giờ làm việc/ngày cho các nhân viên đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng. Trong thời gian nghỉ thai sản, nhân viên vẫn được nhận lương theo các quy định của bảo hiểm xã hội.
  - Nhân viên làm việc đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12 ngày/năm. Và cứ mỗi 2 năm làm việc, nhân viên sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.
- **Chính sách tuyển dụng & đào tạo:**

Công tác đào tạo về quản lý, chuyên môn và nghiệp vụ luôn được Công ty quan tâm. Tùy theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, từng bộ phận, từng cá nhân, Công ty thường xuyên phối hợp với các tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo phù hợp cả trong và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ tay nghề cho người lao động trong Công ty. Cụ thể:

- *Đối với cán bộ lãnh đạo,* Công ty kết hợp với các trung tâm đào tạo bồi dưỡng chuyên môn về quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính, nhân sự, kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực quản lý của các cán bộ chủ chốt trong Công ty.
- *Đối với lao động tại các phòng chuyên môn nghiệp vụ,* Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của nhà nước như các khóa học đào tạo của các tổ chức giao nhận IATA, FIATA, VIFFAS…
- *Đối với lao động trực tiếp,* thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học.

- **Chính sách lương, thưởng**
  - *Chính sách lương:* Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng nhất để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty.
  - *Chính sách thưởng:* Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.
- **Chính sách phúc lợi:**

  Cán bộ công nhân viên được đảm bảo các chế độ về bảo hiểm xã hội, y tế và bảo hiểm tai nạn; được giải quyết đầy đủ chế độ nghỉ phép hàng năm, lễ, tết và ngày nghỉ việc riêng có lương theo quy định.

  Hàng năm, Công ty luôn tổ chức các chuyến tham quan, nghỉ mát cho toàn thể Cán bộ công nhân viên trong Công ty. Bên cạnh đó, sức khỏe của Cán bộ công nhân viên của Công ty cũng được chú trọng thông qua các phong trào thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ được sự hưởng ứng mạnh mẽ của toàn Công ty.

12. Chính sách cổ tức

Kết thúc niên độ tài chính, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý. Tỷ lệ cổ tức thực chia cho cổ đông trong những năm qua như sau:

Tình hình thực hiện phân phối cổ tức từ năm 2007 – 2009

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Tỷ lệ cổ tức/ vốn điều lệ	%	12%	14%	14%

Nguồn: Công ty cổ phần Vận tải Ngoại thương - Vinafreight

Tính tới thời điểm ngày 30/06/2010, Vinafreight đã chi trả hết cổ tức năm 2009 cho cổ đông hiện hữu. Ngoài ra, theo nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 28/07/2010, Vinafreight sẽ tạm ứng

cổ tức năm 2010 cho cổ đông hiện hữu 10% trên kế hoạch chi trả cổ tức là 12%/năm đã được Đại hội Cổ đông thông qua ngày 17/04/2010. Dự kiến Vinafreight sẽ chuyển tiền cổ tức cho cổ đông từ ngày 11/08/2010 đến ngày 14/08/2010.

13. Tình hình tài chính

13.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Niên độ kế toán: Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Vận Tải Ngoại Thương, báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009. Các báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ–BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các nhóm tài sản cố định như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15
Máy móc thiết bị	03
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 05
Phần mềm vi tính	03

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2009 của Vinafreight

Mức lương bình quân của người lao động

Đơn vị tính: đồng/người/tháng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Mức lương bình quân	4.500.000	4.800.000	5.000.000
Số lượng lao động bình quân	149	140	129

Nguồn: Công ty cổ phần Vận tải Ngoại thương – Vinafreight

Mức thu nhập bình quân của nhân viên Công ty cổ phần Vận tải Ngoại thương – Vinafreight trong những năm qua (2007 – 2009) vào khoảng trên 4,5 triệu đồng/tháng và theo xu hướng ngày càng tăng. Đây là mức thu nhập tương đối khá so với mức bình quân của lao động tại khu

vực thành phố Hồ Chí Minh và trong ngành.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn: Các khoản nợ của Công ty đều được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong những năm qua. Các nghĩa vụ nợ khác như: Phải trả người bán, Phải trả công nhân viên, Phải trả phải nộp khác được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ. Hiện tại, Công ty không có khoản nợ quá hạn.

Các khoản phải nộp theo luật định: Các nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước được Công ty đóng theo đúng quy định của pháp luật. Công ty thực hiện việc trích – nộp bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế;…đầy đủ theo luật định.

Trích lập các quỹ theo luật định: Sau khi kết thúc niên độ tài chính (31/12), Công ty tiến hành trích lập các quỹ trên cơ sở từ lợi nhuận sau thuế đạt được. Các quỹ như: quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi… sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tỷ lệ trích lập tùy theo kết quả kinh doanh trong năm sản xuất và mục tiêu phát triển của Công ty đồng thời phù hợp với điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật.

Số dư các quỹ cuối năm 2008 và 2009 và 31/03/2010 (theo số liệu hợp nhất) của Vinafreight như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
1	Quỹ đầu tư phát triển	1.285.256.732	1.285.256.732	1.856.954.185
2	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	268.004.869	557.635.192
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.472.545.260	3.662.276.080	3.048.646.474
4	Quỹ dự phòng tài chính		520.285.154	505.000.000
Tổng cộng		**4.757.801.992**	**5.735.822.835**	**5.968.235.851**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2009 và BCTC hợp nhất Quý 1/2010 của Vinafreight

Năm 2008, 2009 công ty trích lập 02 quỹ là quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi. Cụ thể, tỷ lệ trích lập các quỹ như sau:

Quỹ	Năm 2008	Năm 2009
Quỹ dự phòng tài chính	5%	5%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	3,4%	3,2%

Từ năm 2010, Đại hội cổ đông quyết định trích lập thêm quỹ mới là Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu. Quỹ này nhằm mục đích trích phục vụ cho công tác hoạt động của hội đồng Quản trị và ban kiểm soát.

Tổng dư nợ vay đến 31/03/2010: với những kinh nghiệm lâu năm về kiểm soát dòng tiền, Bộ phận tài chính công ty luôn cân đối đối các dòng thu chi nên gần như công ty không cần phải vay bất kỳ khoản nào. Số dư nợ cuối năm và cuối kỳ luôn bằng không.

Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008		31/12/2009		31/03/2010	
	Số liệu	Tỷ lệ %/ Các khoản phải thu	Số liệu	Tỷ lệ %/ Các khoản phải thu	Số liệu	Tỷ lệ %/ Các khoản phải thu
Phải thu ngắn hạn	**33.499**	**100,00%**	**36.687**	**100,00%**	**74.576**	**100,00%**
Phải thu khách hàng	33.313	99,45%	36.606	99,78%	65.090	87,28%
Trả trước cho người bán	418	1,25%	214	0,58%	6	0,01%
Các khoản phải thu khác	167	0,50%	510	1,39%	4.954	6,64%
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-	-	5.169	6,93%
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(399)	(1,19%)	(643)	(1,75%)	(643)	(0,86%)
Phải thu dài hạn	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
Tổng cộng	**33.499**	**100,00%**	**36.687**	**100,00%**	**74.576**	**100,00%**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2009 và BCTC hợp nhất Quý 1/2010 của Vinafreight

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

Danh sách một số khoản phải thu của Vinafreight tại thời điểm 31/03/2010

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư nợ phải thu đến 31/03/2010
1	Uti Worldwide	4.498.871.040
2	Cargo Flight Viet Nam	2.712.025.800
3	Panalpina World Transport Viet Nam	1.977.896.520
4	Mekong Cargo Freight	1.906.095.420
5	Airimex	1.817.713.492
6	Nissin Logistics	1.801.734.728
7	Schenker Viet Nam	1.709.899.920
8	Duy Huynh	1.649.925.796
9	Indo Tran	1.444.435.560
10	II-VI Viet Nam	1.333.283.539
11	Giao nhận vận tải AA	1.329.182.100
12	Expo Vina Express	1.191.393.368
13	Gemadept Corporation	1.065.600.978
14	Speed Mark	1.054.852.740
15	Đức Việt	1.047.661.740
16	Motives	993.368.460
17	E.I Freight Forwarding co.,ltd	990.131.400
18	Logistics Hoàng Hà	804.901.860
19	Ngôi Sao VN	725.974.200

20	Safi	668.527.560
21	Royal Lee Air Express	659.562.583
22	Kuehne & Nagel	598.094.100
23	Giao Nhận Quốc Tế G.S.A	551.655.000
24	Malaysia Airlines	518.774.400
25	Tân Vĩnh Thịnh	501.529.860
26	Vinatrans Hanoi	480.709.440
27	DHL	477.533.700
28	Oma S.A.S	463.738.500
29	Giao nhận vận tải Cửu Long	433.584.180
30	Maersk Vietnam	418.253.683
31	Giao nhận vận tải Mỹ Á	412.230.960
32	F.D.I	401.823.180
	Tổng cộng	**36.640.965.807**

Nguồn: Vinafreight

Nợ phải trả:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008		31/12/2009		31/03/2010	
	Số liệu	Tỷ lệ %/ Nợ phải trả	Số liệu	Tỷ lệ %/ Nợ phải trả	Số liệu	Tỷ lệ %/ Nợ phải trả
I. Nợ ngắn hạn	**34.529**	**76,31%**	**47.223**	**92,49%**	**75.643**	**95,48%**
1. Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	-	1.500	1,89%
2. Phải trả người bán	12.741	28,16%	22.411	43,89%	37.368	47,17%
3. Người mua trả tiền trước	17.710	39,14%	19.265	37,73%	20.347	25,68%
4. Thuế và các khoản phải nộp NN	802	1,77%	1.556	3,05%	3.286	4,15%
5. Phải trả người lao động	1.109	2,45%	1.819	3,56%	-	-
6. Chi phí phải trả	101	0,22%	287	0,56%	263	0,33%
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.066	4,56%	1.884	3,69%	5.150	6,50%
8. Phải trả nội bộ	-	0,00%	-	0,00%	7.729	9,76%
II. Nợ dài hạn	**10.721**	**23,69%**	**3.835**	**7,51%**	**3.578**	**4,52%**
1. Phải trả dài hạn khác	10.562	23,34%	3.596	7,04%	3.341	4,22%
2. Vay và nợ dài hạn	-	-	-	-	-	-
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	159	0,35%	239	0,47%	237	0,30%
Tổng cộng	**45.250**	**100,00%**	**51.058**	**100,00%**	**79.221**	**100,00%**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2009 và BCTC hợp nhất Quý 1/2010 của Vinafreight

Thuyết minh liên quan đến một số khoản mục trong Nợ phải trả:

- Danh sách một số khoản phải trả của Vinafreight tại thời điểm 31/03/2010

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhà cung cấp	Số dư nợ phải trả đến 31/03/2010
1	Air-Abda (S) Pte.Ltd	5.350.010.220
2	Malaysia Airline Berhad	3.719.585.667
3	Etihad Airways	3.584.080.800
4	Asia Pacific Cargo Services Pte Ltd	3.299.122.800
5	Gulf Air Company G.S.C	2.220.220.800
6	Hong Kong Airlines	2.025.869.450
7	Abda Cargo Service Llc	1.962.061.380
8	Aviation solution co.,ltd	1.801.611.360
9	Egyptair Cargo	1.758.763.904
10	South African Airways Cargo	1.296.072.000
11	Scandinavian Airline	1.047.498.300
12	China Southern Airlines	1.039.265.280
13	Aerosvit Airlines	931.273.120
14	Công ty TNHH DV HH Tân Sơn Nhất	884.549.870
15	Etihad Airways	788.365.620
16	Malaysia Airlines	679.808.410
17	Air Astana	601.098.300
18	Abda Cargo Services LLC	572.447.160
19	Lữ Hành Bình Thịnh	416.708.555
20	South African Airways Pty Ltd	306.502.740
	Tổng cộng	**34.284.915.736**

Nguồn: Vinafreight

Khoản vay 1.500.000.000 VNĐ phát sinh trong quý 01/2010 là khoản vay của công ty con – Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc tế vay từ công ty cổ phần Giao nhận Kho Vận Ngoại thương Việt Nam. Khoản vay này nhằm phục vụ cho nhu cầu vốn lưu động của Vector. Vector đã hoàn trả khoản vay trên cho công ty cổ phần Giao nhận Kho Vận Ngoại thương Việt Nam vào tháng 04/2010.

- Các khoản phải trả ngắn hạn khác:

Đơn vị tính: đồng

Các khoản phải trả ngắn hạn khác	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
1. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	-	96.183.501	146.522.297
2. Cổ tức phải trả	1.317.650.000	696.900.000	-
3. Thuế nhà thầu giữ lại phải trả	543.101.413	909.420.938	1.020.056.022
4. Khác (*)	204.855.619	181.804.350	3.983.624.897
Tổng cộng	**2.065.607.032**	**1.884.308.789**	**5.150.202.916**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2009 và BCTC hợp nhất Quý 1/2010 của Vinafreight

(*) Khoản mục các khoản phải trả khác tại thời điểm ngày 31/03/2010 chủ yếu là chi phí cước vận chuyển phải trả cho các hãng tàu và hãng hàng không phát sinh trong tháng 03/2010.

13.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	2008	2009
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	2,36	1,93
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	2,36	1,93
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,34	0,35
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,76	0,92
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,87	1,96
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,17	5,20
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	19,17	16,60
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	11,65	10,66
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	2,96	4,72

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2008, 2009 của Vinafreight

14. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

14.1 Danh sách thành viên HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:

STT	Chức vụ	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND/ Hộ chiếu
01	Chủ tịch HĐQT	Ông ĐỖ XUÂN QUANG	1962	023008677
02	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Ông NGUYỄN BÍCH LÂN	1960	021879061
03	Thành viên HĐQT	Ông VŨ THẾ ĐỨC	1957	022079728
04	Thành viên HĐQT	Ông NGUYỄN NAM TIẾN	1958	023132098
05	Thành viên HĐQT	Ông NGUYỄN NGỌC NHIÊN	1971	023626837
06	Phó Tổng Giám đốc	Ông NGUYỄN HUY DIỆU	1960	022129650
07	Phó Tổng Giám đốc	Ông PHẠM ĐỨC CƯỜNG	1975	011677488
08	Trưởng Ban kiểm soát	Ông PHAN MINH HOÀNG	1954	020895494
09	Thành viên Ban kiểm soát	Bà TRẦN THỊ BÌNH	1958	024178252
10	Thành viên Ban kiểm soát	Bà LÊ THỊ THU HÀ	1969	022189018
11	Kế toán trưởng	Bà LÊ THỊ NGỌC ANH	1974	024372288

14.2 Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:

Hội đồng Quản trị

Ông: Đỗ Xuân Quang - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Số chứng minh thư nhân dân: 023008677 Cấp ngày: 22/08/2007, Nơi cấp: CA. HCM
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/10/1962
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- Quốc Tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: 459/18 Trần Hưng Đạo, Quận1, Tp. HCM
- Số ĐT cơ quan: (08) 6293 94 25
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
- Quá trình công tác
  - Từ năm 1992 đến năm 2001: Trưởng phòng Giao nhận Hàng không công ty Giao nhận kho vận ngoại thương TP HCM - Vinatrans

- Từ năm 2001- nay: làm việc tại Công ty CP Vận tải Ngoại thương - Vinafreight

- Chức vụ công tác hiện nay tại công ty: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương Vinatrans Hà Nội
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:
  - Số cổ phần sở hữu cá nhân tính đến ngày 31/03/2010: 99.900 cổ phần chiếm 1,78% vốn điều lệ
  - Số cổ phần sở hữu đại diện: không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Bà Tạ Việt Hà (quan hệ: vợ) sở hữu : 23.100 cổ phần chiếm 0,41% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Thù lao: theo quy định của Công ty
- Các khoản lợi ích khác: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: không

Ông: Nguyễn Bích Lân – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- Số chứng minh thư nhân dân: 021879061 Cấp ngày: 19/09/2001, Nơi cấp: CA.HCM
- Giới tính: nam
- Ngày tháng năm sinh: 10/04/1960
- Nơi sinh: Phnom Penh, Campuchia
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: xã Cẩm Yên, huyện Cẩm xuyên, tỉnh Hà tĩnh
- Địa chỉ thường trú: 285/T8/B2 Cách mạng tháng 8, Phường 12, Quận 10
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84-8) 3848 8358
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tổng hợp, ngoại ngữ Anh
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - 1988 – 2001: công tác tại Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương TP. Hồ Chí Minh - Vinatrans.
  - 2001 – đến nay: công tác tại Công ty cổ phần Vận tải Ngoại thương
- Chức vụ công tác hiện nay tại công ty: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:

- 2003 đến nay: ủy viên HĐQT Công ty cổ phần vận tải miền Trung (Vinatrans Đà nẵng)
- 2006 đến nay: thành viên HĐQT công ty TNHH Jardine Vietnam
- 2005 đến nay: thành viên HĐQT công ty TNHH Kintetsu Vietnam.

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:
  - Số cổ phần sở hữu cá nhân tính đến ngày 31/03/2010: 80.250 cổ phần chiếm 1,43% vốn điều lệ
  - Số cổ phần sở hữu đại diện: không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Thù lao: theo quy định của Công ty
- Các khoản lợi ích khác: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: không

Ông: Vũ Thế Đức – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Số chứng minh thư nhân dân: 022079728 Cấp ngày 11/7/2007, Nơi cấp: Công an HCM
- Giới tính: nam
- Ngày tháng năm sinh: 9/3/1957
- Nơi sinh: Hành Thiện Xuân Trường Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 102C Nguyễn Văn Cừ, P. Nguyễn Cư Trinh, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 39404663
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư địa chất
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - 1983 – 1987: công tác tại Viện dầu khí Việt Nam tại Hà Nội
  - 1987 – nay: công tác tại Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương TP. Hồ Chí Minh - Vinatrans
  - 2002 - nay: HĐQT tại Công ty cổ phần Vận tải Ngoại thương
- Chức vụ công tác hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Giao nhận

kho vận ngoại thương TP. Hồ Chí Minh (Vinatrans)

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:
  - Số cổ phần sở hữu cá nhân tính đến ngày 31/03/2010: 170.450 cp chiếm 3,04% vốn điều lệ
  - Số cổ phần sở hữu đại diện vốn Công ty cổ phần giao nhận kho Vận Ngoại thương Việt Nam: 608.000 cổ phần chiếm 10,86% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Thù lao: theo quy định của Công ty
- Các khoản lợi ích khác: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: không

Ông: Nguyễn Nam Tiến – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Số chứng minh thư nhân dân:023132098 – cấp ngày 04/08/2005 tại CA TP. HCM
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 06/02/1958
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 111 Trần Minh Quyền, Q.10, TP. Hồ Chí Minh
- Số ĐT liên lạc:(08) 39401 456
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính – Kế toán , Cao cấp chính trị
- Quá trình công tác
  - 1980 - 1982: cán bộ giảng dạy tại Đại học Tài chính kế toán (Hà Nội)
  - 1982 - 1985: phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam
  - 1985 -1989: Phó phòng Kế toán công tác tại Tổng Công ty Giao nhận Kho vận ngoại thương - Vietrans
  - 1989 - 09/1999: công tác tại Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương TP. Hồ Chí Minh - Vinatrans với chức danh Phó phòng kế toán, Trưởng phòng Tổng hợp, Phó Giám đốc công ty
  - 09/1999 – nay: Giám đốc Công ty Vinalink, từ 04/2008 là Tổng Giám đốc theo quy

định của Điều lệ mới (19/4/2008)

- 2003 – nay : Ủy viên HĐQT Cty cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung - Vinatrans Đà nẵng
- 2004 - nay : Thành viên HĐQT công ty TNHH F.C (Vietnam)
- 2007 – nay : Thành viên HĐQT công ty TNHH LCM (Vietnam)
- 2002– nay : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Vận tải Ngoại thương

- Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - Chủ tịch HĐQT,Tổng Giám đốc công ty Vinalink
  - Phó Chủ tịch HĐTV công ty TNHH F.C (Vietnam)
  - Phó Chủ tịch HĐTV công ty TNHH LCM (Vietnam)
  - Ủy viên HĐQT Cty cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung - Vinatrans Đà nẵng
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:
  - Số cổ phần sở hữu cá nhân tính đến ngày 31/03/2010: 1.500 cp chiếm 0,03% vốn điều lệ
  - Số cổ phần sở hữu đại diện vốn Công ty cổ phần giao nhận Vận Tải và Thương mại: 85.500 cp chiếm 1,52% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Thù lao: theo quy định của Công ty
- Các khoản lợi ích khác: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: không

Ông: Nguyễn Ngọc Nhiên – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Số chứng minh thư nhân dân: 023626837,Cấp ngày: 07/03/1998, Nơi cấp: CA. HCM
- Giới tính: nam
- Ngày tháng năm sinh: 10/10/1971
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán:Song An, Vũ Thư, Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: 392/8/104 Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:(848) 38113491

- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sỹ Quản trị Kinh Doanh
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - 05/1993 – 09/1998: Nhân viên kinh doanh phòng Đại Lý và Môi Giới Hàng Hải, công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TP.HCM (VINATRANS)
  - 10/1998 – 04/2003: Nhân viên kinh doanh, Phó trưởng phòng Vận tải Quốc tế, công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TP.HCM (VINATRANS).
  - 05/2003 – 08/2004: Phụ trách phòng đại lý Zim Logistics, công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TP.HCM (VINATRANS)
  - 09/2004 – 04/2005: Trưởng Ban Đào Tạo Công ty Chứng nhận các Hệ thống Quản lý Chất lượng TUV Rheinland Cộng Hòa Liên Bang Đức
  - 05/2005 – nay: Phó Giám Đốc Công ty Dịch Vụ Hàng Không Vector Aviation
  - 06/2009 – nay: Giám đốc Công ty Liên Doanh Dịch vụ Hàng không Cargo Flights Vietnam
- Chức vụ công tác hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức khác:
  - Phó Giám Đốc Công Ty Vector Avaition
  - Giám đốc Công ty Liên Doanh Dịch vụ Hàng không Cargo Flights Vietnam
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:
  - Số cổ phần sở hữu cá nhân : 29.920 cổ phần chiếm 0,53% vốn điều lệ
  - Số cổ phần sở hữu đại diện: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Bà Hồ Đắc Nam Sâm – (Quan hệ: vợ) 5.500 cổ phần chiếm 0,098% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Thù lao: theo quy định của Công ty
- Các khoản lợi ích khác: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: không

Ban Tổng Giám đốc

Ông: Nguyễn Bích Lân –Tổng Giám đốc (*Xem SYLL HĐQT)*

Ông: Nguyễn Huy Diệu – Phó Tổng Giám đốc

- Số chứng minh thư nhân dân: 022129650 Cấp ngày : 31/05/2007 Nơi cấp : CA Tp. HCM
- Giới tính: nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/11/1960
- Nơi sinh: Huế
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: 195/13 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P17, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 38446409
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - 1987 - 2002: Nhân viên Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương TP. Hồ Chí Minh - Vinatrans
  - 2002 – 2008: Trưởng phòng Nhập Hàng không - Công ty cổ phần Vận tải Ngoại Thương VinaFreight
  - 2008 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải Ngoại Thương VinaFreight
  - 2009- nay: Thành viên HĐQT công ty Konoike Vina
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Vận tải Ngoại Thương VinaFreight
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Thành viên HĐQT công ty Konoike Vina
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:
  - Số cổ phần sở hữu cá nhân : 10.350 cổ phần chiếm 0,18% vốn điều lệ
  - Số cổ phần sở hữu đại diện: không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Thù lao: theo quy định của Công ty
- Các khoản lợi ích khác: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: không

Ông: Phạm Đức Cường – Phó Tổng Giám đốc

- Số chứng minh thư nhân dân: 011677488 Cấp ngày: 08/05/2010, Nơi cấp: CA. Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/10/1975
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú: 75 Bùi Thị Xuân, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (04) 37322540
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cao học
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - 1997-04/2003: Cán bộ giao nhận Chi nhánh Công ty giao nhận kho vận ngoại thương Thành phố Hồ chí Minh (VINATRANS)
  - 05/2003-09/2003: Phó trưởng phòng Giao nhận đường biển – Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VINATRANS HÀ NỘI)
  - 10/2003-nay: Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải Ngoại thương tại thanh phố Hà Nội
  - 2008 – nay : Phó TGĐ Công ty cổ phần vận tải ngoại thương
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó TGĐ Công ty cổ phần vận tải ngoại thương kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần vận tải ngoại thương tại thành phố Hà Nội.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:
  - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 10.620 CP chiếm 0,19% vốn điều lệ
  - Số cổ phần sở hữu đại diện: không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Thù lao: theo quy định của Công ty
- Các khoản lợi ích khác: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: không

Ban kiểm soát

Ông: Phan Minh Hoàng – Trưởng ban Kiểm soát

- Số chứng minh thư nhân dân: 020895494 Cấp ngày : 28/5/2002, Nơi cấp: CA. HCM
- Giới tính: nam
- Ngày tháng năm sinh: 21/02/1954
- Nơi sinh: Sài Gòn
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Long An
- Địa chỉ thường trú: 105 đường số 3-Cư xá Lữ Gia,P15,Q11,TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 38722845
- Trình độ văn hoá: Tốt nghiệp Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kế toán, kiểm toán
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - 2001- 2005: Phụ trách phòng kiểm toán nội bộ Công ty giao nhận kho vận ngoại thương Thành phố Hồ chí Minh (VINATRANS)
  - 2006- nay : Nhân viên kế toán Cty Konoike Vina
  - 2002- nay : Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần vận tải ngoại thương
- Chức vụ công tác hiện nay: Nhân viên kế toán Công ty Konoike Vina
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:
  - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 15.750 cp chiếm 0,28% vốn điều lệ
  - Số cổ phần sở hữu đại diện: không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Thù lao: theo quy định của Công ty
- Các khoản lợi ích khác: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: không

Bà: Trần Thị Bình – Thành viên ban Kiểm soát

- Số chứng minh thư nhân dân:024178252 – cấp ngày 14/11/2006 tại CA TP.HCM
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 14/03/1958

- Nơi sinh: Hà Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: 40E Ngô Đức Kế, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM
- Số ĐT liên lạc: 0903 812 671
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán
- Quá trình công tác
  - 12/1978 – 07/1987: công tác tại Tổng cục Thống kê – Văn phòng II.
  - 08/1987 – 08/1999: công tác tại Công ty Vinatrans với chức danh Phó phòng kế toán.
  - 09/1999 – nay: công tác tại Công ty Vinalink với chức danh Kế toán trưởng
  - 2002- nay : Thành viên ban Kiểm soát Công ty cổ phần vận tải ngoại thương
  - 2003- nay : Thành viên ban Kiểm soát Cty cổ phần Giao nhận Vận tải miền Trung (Vinatrans Đà nẵng)
- Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên ban kiểm soát
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:Thành viên ban Kiểm soát Cty cổ phần Giao nhận Vận tải miền Trung (Vinatrans Đà nẵng)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:
  - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 1.950 cp chiếm 0,035% vốn điều lệ
  - Số cổ phần sở hữu đại diện: không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Thù lao: theo quy định của Công ty
- Các khoản lợi ích khác: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: không

Bà: Lê Thị Thu Hà – Thành viên ban Kiểm soát

- Số chứng minh thư nhân dân : 022189018 Cấp ngày : 22/05/2008, Nơi cấp: CA.HCM
- Giới tính: nữ
- Ngày tháng năm sinh: 21-03-1969
- Nơi sinh: Hà Nội

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Long An
- Địa chỉ thường trú: 145B Nguyễn Đình Chiểu , Phường 6, Quận 3, TP HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 35470376
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại Học Kinh Tế
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - 1993-2002: Kế toán công ty giao nhận kho vận ngoại thương TP HCM (VINATRANS)
  - 2002-2007: Kế toán công ty CP Vận Tải Ngoại Thương (VINAFREIGHT)
  - 2007- Nay: Kế Toán Trưởng công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết
- Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên ban kiểm soát
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế Toán Trưởng công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:
  - Số cổ phần sở hữu cá nhân : 13.740 cổ phần chiếm 0,245 % vốn điều lệ
  - Số cổ phần sở hữu đại diện: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Thù lao: theo quy định của Công ty
- Các khoản lợi ích khác: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: không

Kế Toán Trưởng :

Bà: Lê Thị Ngọc Anh – Kế Toán Trưởng

- Số chứng minh thư nhân dân: 024372288 Cấp ngày : 22/03/2005 Nơi cấp: CA. HCM
- Giới tính: nữ
- Ngày tháng năm sinh: 01/12/1974
- Nơi sinh: Đà Nẵng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú: 341/87A1 Lạc Long Quân, P.5, Quận 11, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 – 3844 6409
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, khoa kế toán kiểm toán
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - 1997 - 1998: công tác tại Công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Mới
  - 1998 - 2001: công tác tại Công ty TNHH Việt Đan
  - 2001 – 2002: công tác tại Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương TP. Hồ Chí Minh (Vinatrans)
  - 2002 – nay: công tác tại Công ty Cổ phần vận tải Ngoại thương (Vinafreight)
- Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên ban kiểm soát Vinalink
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:
  - Số cổ phần sở hữu cá nhân : 3.890 cổ phần chiếm 0,07 % vốn điều lệ
  - Số cổ phần sở hữu đại diện: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Thù lao: theo quy định của Công ty
- Các khoản lợi ích khác: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: không

15. Tài sản

Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2009 như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Hạng mục	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**10.195.696.000**	**5.440.600.180**	**4.755.095.820**
1	Nhà cửa – Vật kiến trúc	3.337.273.150	1.778.017.539	1.559.255.611
2	Máy móc thiết bị	30.070.091	30.070.091	-
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.786.093.177	1.607.832.285	2.178.260.892
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.042.259.582	2.024.680.265	1.017.579.317
II	**Tài sản cố định vô hình**	**19.670.000**	**4.917.501**	**14.752.499**
1	Phần mềm kế toán	19.670.000	4.917.501	14.752.499
	Tổng cộng	**10.215.366.000**	**5.445.517.681**	**4.769.848.319**

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2009 của Vinafreight

Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/03/2010 như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Hạng mục	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**10.249.891.097**	**5.684.407.169**	**4.565.483.928**
1	Nhà cửa – Vật kiến trúc	3.426.281.150	1.834.904.427	1.591.376.723
2	Máy móc thiết bị	30.070.091	30.070.091	-
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.786.093.177	1.698.286.515	2.087.806.662
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.007.446.679	2.121.146.136	886.300.543
II	**Tài sản cố định vô hình**	**19.670.000**	**5.463.890**	**14.206.110**
1	Phần mềm kế toán	19.670.000	5.463.890	14.206.110
	Tổng cộng	**10.269.561.097**	**5.689.871.059**	**4.579.690.038**

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất Quy 1 năm 2010 của Vinafreight

Danh sách đất đai, nhà xưởng của Công ty đến 31/12/2009 và 31/03/2010:

STT	Địa điểm	Thời điểm thuê	Thời hạn	Diện tích	Loại hình	Phương thức thanh toán
1	Kho 18B Tân Thuận Đông, Q7	01/2002	lâu năm	3,819 m^2	Đất thuê	Trả tiền thuê hằng năm
2	Kho số 1, Lý Hải, Q.7	01/2002	lâu năm	1,890 m^2	Đất thuê	Trả tiền thuê hằng năm
3	Kho 196 Tôn Thất Thuyết, Q4	01/2002	lâu năm	2,926 m^2	Đất thuê	Trả tiền thuê hằng năm
4	Kho 131 Bến Văn Đồn, Q4	01/2002	lâu năm	1,612 m^2	Đất thuê	Trả tiền thuê hằng năm

Nguồn: Vinafreight

16. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm 2010

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	
		Giá trị	+/- so với 2009
Doanh thu thuần	111,04	150,60	35,63%
Lợi nhuận sau thuế	12,47	12,30	1,36%
Vốn điều lệ	56	56	-
Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần	11,23%	8,17%	(3,06%)
Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	22,27%	21,96%	(0,31%)
Tỷ lệ cổ tức	14%	12%	(2%)

Nguồn: Vinafreight

(*) Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2010 được xây dựng cho riêng công ty mẹ và đã được đại hội cổ đông năm 2010 thông qua theo nghị quyết số 179/ĐHCĐ/2010 vào ngày 17/04/2010.

Về doanh thu, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty khá ổn định trong những năm gần đây. Phương châm hoạt động của Vinafreight là tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp, củng cố và tăng cường uy tín trên thị trường để duy trì và mở rộng quan hệ kinh doanh với các đối tác lớn, đem lại nguồn doanh thu ổn định cho Công ty. Do vậy, kế hoạch doanh thu từ hoạt động dịch vụ trong các năm tới của Công ty sẽ tăng dần cùng với khả năng cạnh tranh không ngừng được cải thiện.

Về chi phí, do Công ty đang trong quá trình thực hiện kế hoạch tăng quỹ lương hàng năm để đảm bảo đến năm 2009 mức lương cán bộ công nhân viên của Vinafreight đạt mặt bằng chung của thị trường nhằm thu hút và giữ chân lao động giỏi, chi phí lương hiện đang là một cấu phần ảnh hưởng khá lớn đến lợi nhuận của Công ty từ năm 2006. Ngoài ra, cũng cần chú ý kế hoạch lợi nhuận được Công ty xây dựng dựa trên thực tế là hiện tại Công ty đang dự kiến điều chỉnh

cước phí vận chuyển cho phù hợp với tình hình thực tế của thị trường, do vậy cũng sẽ làm giảm tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty đặc biệt vào năm 2010.

Vinafreight có kế hoạch duy trì ổn định mức cổ tức hàng năm 12% - 15% bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu (tùy tình hình thị trường) trong các năm tới (2010 -2012).

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

Trong bối cảnh suy thoái toàn cầu và những khó khăn chung của nền kinh tế trong nước, việc thực hiện các mục tiêu tăng trưởng và kế hoạch đầu tư nói trên là một thách thức lớn và đòi hỏi quyết tâm rất cao đối với toàn thể cán bộ và nhân viên của Công ty, một số các giải pháp và mục tiêu chính để đạt được mục tiêu đã được xem xét và đặt ra như sau :

- Tập trung thực hiện các dịch vụ giao nhận kho vận nội địa, vận chuyển hàng quá cảnh theo yêu cầu của khách hàng trên cơ sở phương tiện hiện có và chọn thêm một số nhà thầu phụ có năng lực về vận tải, lưu kho, …
- Tập trung mạnh vào các thị trường xuất nhập châu Á vốn có mức tăng ổn định, cước phí thấp và khai thác được thế mạnh của Vinafreight trong quan hệ với các hãng hàng không phù hợp thị trường này. Ngoài ra, chú ý khai thác thị trường mới nổi như Trung Đông, châu Phi.
- Đẩy mạnh mảng kinh doanh hàng nhập đường biển và hàng không.
- Phát triển thêm các đại lý mới, đặc biệt là các đại lý ở các thị trường mới và tiềm năng. Tăng cường quan hệ với các đại lý hiện tại.
- Đào tạo nâng cao tay nghề; Chú trọng đến chất lượng dịch vụ và đảm bảo hiệu quả kinh doanh cao nhất, giảm thiểu những sai sót nghiệp vụ.
- Hợp lý hóa các chi phí để tăng hiệu quả kinh doanh, tiết kiệm các chi phí văn phòng, quản lý chặt chẽ các khoản chi phí làm hàng, chi phí thuê dịch vụ ngoài …
- Duy trì nhân sự hợp lý, tinh gọn đối với nhân viên hiện trường và nhân viên nghiệp vụ trong văn phòng, thu hút nhân viên bán hàng chất lượng tốt bằng chính sách thu nhập và khen thưởng phù hợp.

Kế hoạch dự kiến thực hiện trong chiến lược kinh doanh giai đoạn 2010-2013

- Dự kiến cùng một hãng tàu góp vốn đầu tư thành lập công ty liên doanh, vốn khoảng 1,8 tỷ.
- Cùng với đối tác hoàn tất các thủ tục đầu tư đối với dự án Kho 196. Theo đó, với vị trị nằm ở khu vực trung tâm quận 4, kho 196 Tôn Thất Thuyết rất phù hợp để mở rộng thành căn hộ cao cấp. Do đó, Ban lãnh đạo công ty đang xây dựng đề án phát triển kho thành căn hộ cao cấp. Nếu dự án này đi váo khai thác, hứa hẹn doanh thu và lợi nhuận của Vinafreight sẽ tăng một khoảng không nhỏ trong những năm tới.
- Xúc tiến lập dự án nâng cấp đầu tư vào kho số 1, Lý Hải, Quận 7.
- Liên kết với các đối tác trong nước thực hiện vận tải hàng hoá Bắc – Nam bằng đường Hàng không, vốn đầu tư ban đầu khoảng 3 tỷ.
- Thành lập trung tâm khai thác dịch vụ gom hàng hàng không và vận tải nội địa bằng đường bộ.
- Tham gia cùng hiệp hội VIFFAS thành lập trung tâm đào tạo theo tiêu chuẩn được IATA – FIATA công nhận: vốn khoảng 2-3 tỷ.

17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích, đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương - Vinafreight.

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty:

Không có

19. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty:

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu:

Cổ phần phổ thông Công ty cổ phần vận tải Ngoại thương - Vinafreight

2. Mệnh giá:

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/ cổ phần

3. Tổng số cổ phiếu niêm yết:

Tổng số cổ phần niêm yết: 5.600.000 cổ phần.

4. Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng

Tổng số cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty là 1.131.820 cổ phần (đã bao gồm số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu cho tổ chức có liên quan do các cá nhân trên đại diện nắm giữ). Khi cổ phiếu của Công ty niêm yết Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo quy định tại Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, các cổ đông này cam kết nắm giữ 100% số cổ phần do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phần này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách một cổ phần tại ngày 31/12/2008 (mệnh giá 10.000 đồng)

Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2008 là: 56.000.000.000 đồng

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu (trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi)}}{\text{(Tổng số cổ phần - cổ phiếu quỹ)}} = \frac{83.272.216.139}{5.583.213} = \textbf{14.915 đồng/CP}$$

Giá trị sổ sách một cổ phần tại ngày 31/12/2009 (mệnh giá 10.000 đồng)

Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 là: 56.000.000.000 đồng

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu (trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi)}}{\text{(Tổng số cổ phần - cổ phiếu quỹ)}} = \frac{89.928.997.720}{5.584.500} = \textbf{16.103 đồng/CP}$$

Giá trị sổ sách một cổ phần tại ngày 31/03/2010 (mệnh giá 10.000 đồng)

Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/03/2010 là: 56.000.000.000 đồng

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu (trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi)}}{\text{(Tổng số cổ phần - cổ phiếu quỹ)}} = \frac{88.914.688.488}{5.584.500} = \textbf{15.922 đồng/CP}$$

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2009 và báo cáo tài chính hợp nhất quý 01/2010 của Vinafreight

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Sau khi đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 quy định về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường Chứng khoán Việt Nam.Theo đó tổ chức, cá nhân nước ngoài mua bán trên Sở Giao dịch Chứng khoán nắm giữ tối đa 49 % tổng số cổ phần phát hành ra công chúng.

Hiện nay, Công ty không có cổ đông nước ngoài sở hữu cổ phiếu của Công ty .

7. Các loại thuế có liên quan

Đối với Công ty:

Hiện nay, công ty đang phải nộp các loại thuế với mức thuế suất tương ứng sau :

- Thuế giá trị gia tăng: 0%, 5% và 10%
- Thuế Thu nhập Doanh nghiệp: Theo Thông tư 128/2003/TT-BTC, ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài Chính, Công ty được hưởng chính sách thuế sau:
    - 2002 – 2003: miễn thuế;
    - 2004 – 2008: giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp;
    - 2009 - 2011: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 20%;
    - 2012 trở đi: áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 25%.

Đối với nhà đầu tư:

Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 đã được Quốc hội nước Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21/11/2007 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009; Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ qui định chi tiết một số điều về Luật Thuế thu nhập cá nhân. Theo đó các hoạt động đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn sẽ phải chịu thuế thu nhập theo qui định hiện hành.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn niêm yết

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Địa chỉ : 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.

Điện thoại : (04) 3773 7070 Fax: (04) 3773 9058

Website : www.fpts.com.vn

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Địa chỉ : 31 Nguyễn Công Trứ - Quận 1 – TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 6290 8686 Fax: (08) 6291 0607

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán DTL

Địa chỉ : Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ - Phường Đa Kao - Quận 1- Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 3827 50 26 Fax:(08)3827 50 27

Website :www.horwathdtl.com

VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục II:** Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty
3. **Phụ lục III:** Báo cáo kiểm toán năm 2009 và BCTC Quý 1/2010 đã hợp nhất
4. **Phụ lục IV:** Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT, BGĐ, BKS, KTT Công ty
5. **Phụ lục V:** Các hồ sơ tài liệu liên quan khác

Tp.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2010

TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG - VINAFREIGHT

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN BÍCH LÂN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT **KẾ TOÁN TRƯỞNG**

PHAN MINH HOÀNG **LÊ THỊ NGỌC ANH**

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CN HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH

NGUYỄN VĂN TRUNG